

**CÔNG TY TNHH NGUYÊN VẬT LIỆU BAO BÌ ĐÓNG GÓI
VĨ NGUYỆT TÂN**

ĐĂNG KÝ MÔI TRƯỜNG

của

**CÔNG TY TNHH NGUYÊN VẬT LIỆU BAO BÌ ĐÓNG GÓI
VĨ NGUYỆT TÂN**

Địa điểm: Thuê nhà xưởng của Công ty TNHH INOX Thái An,
tại thôn An Dân, xã Triệu Việt Vương, tỉnh Hưng Yên

CHỦ DỰ ÁN



**GIÁM ĐỐC
ĐÀO THỊ KIỀU**

Hưng Yên, tháng 03 năm 2026

Số: 2.53/2026/VB-VNT

Triệu Việt Vương, ngày 25 tháng 03 năm 2026

V/v đăng ký môi trường cho Công ty TNHH
nguyên vật liệu bao bì đóng gói Vĩ Nguyệt Tân

Kính gửi: UBND xã Triệu Việt Vương

Công ty TNHH nguyên vật liệu bao bì đóng gói Vĩ Nguyệt Tân thuộc đối tượng phải đăng ký môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025.

- Địa chỉ trụ sở chính của Công ty TNHH nguyên vật liệu bao bì đóng gói Vĩ Nguyệt Tân: Thôn An Dân, xã Triệu Việt Vương, tỉnh Hưng Yên.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 0901068243 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Tài Chính tỉnh Hưng Yên đăng ký lần đầu ngày 12/12/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 13/08/2025.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH nguyên vật liệu bao bì đóng gói Vĩ Nguyệt Tân: Bà ĐÀO THỊ KIỀU.

Sinh ngày: 12/11/1996

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh các nhân: 024196002703

Chức danh: Giám đốc

Công ty TNHH nguyên vật liệu bao bì đóng gói Vĩ Nguyệt Tân đăng ký môi trường với các nội dung sau:

1. Thông tin chung về dự án đầu tư, cơ sở

a. Tên cơ sở

CÔNG TY TNHH NGUYÊN VẬT LIỆU BAO BÌ
ĐÓNG GÓI VỈ NGUYỆT TÂN

b. Địa điểm thực hiện dự án đầu tư, cơ sở; nguồn vốn và tiến độ thực hiện dự án đầu tư

- Địa điểm thực hiện dự án: Thuê nhà xưởng của Công ty TNHH INOX Thái An, tại thôn An Dân, xã Triệu Việt Vương, tỉnh Hưng Yên.

+ Diện tích thuê kho bãi nhà xưởng: 2.000 m²;

+ Diện tích thuê tiện ích bên ngoài: 518 m²;

+ Diện tích thuê văn phòng: 37 m².

- Nguồn vốn: Vốn trong nước.

- Tiến độ thực hiện dự án đầu tư: Đang triển khai thực hiện dự án.

c. Mục tiêu, quy mô, công suất, công nghệ

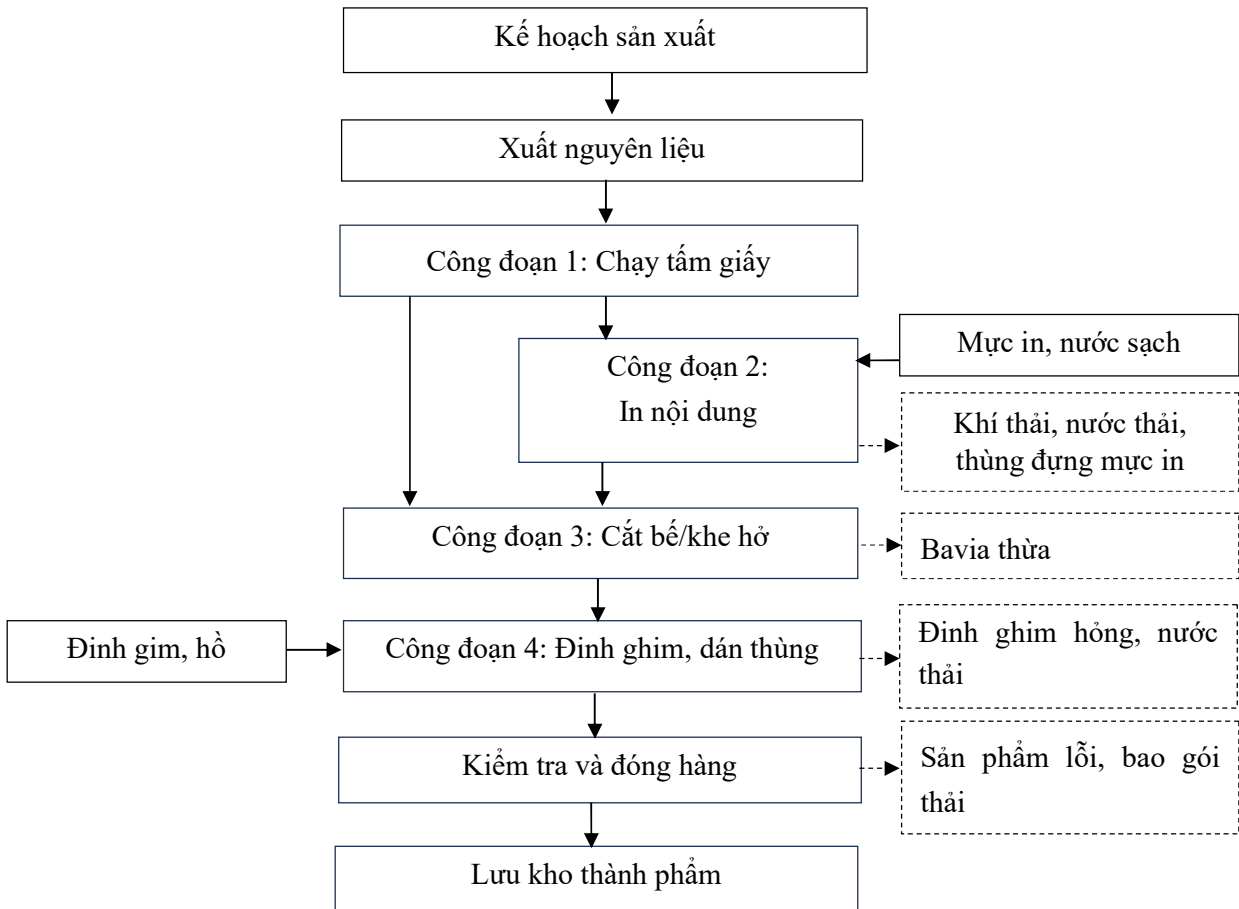
- *Mục tiêu và quy mô công suất dự án:*

Bảng 1. Mục tiêu và quy mô công suất của dự án

STT	Mục tiêu hoạt động	Số lượng (Sản phẩm/năm)	Khối lượng (Tấn sản phẩm/năm)
1	Sản xuất, gia công bao bì đóng gói bằng bìa carton	6.000.000	2.600

- Công nghệ, loại hình sản xuất của dự án đầu tư, cơ sở:

Quy trình sản xuất, gia công bao bì đóng gói bằng bìa carton:



Hình 1. Quy trình sản xuất, gia công bao bì đóng gói bằng bìa carton

Thuyết minh quy trình:

- Kế hoạch sản xuất, xuất nguyên liệu:

Khi nhận được đơn đặt hàng của khách hàng, dự án sẽ lập kế hoạch sản xuất và xuất nguyên liệu. Dự án nhập nguyên liệu đầu vào là các tấm bìa carton đã được tạo sóng.

- Chạy tấm giấy:

Các tấm bìa nguyên liệu được dẫn vào máy chạy tấm để phân loại giấy theo kích thước.

- In nội dung:

Dự án không thực hiện in nội dung cho tất cả đơn hàng mà chỉ tiến hành in với những đơn được khách hàng yêu cầu.

Tại công đoạn này, công nhân sẽ tiến hành in logo, font chữ,... mà khách hàng yêu cầu lên bề mặt giấy, dự án sử dụng mực in gốc nước. Sau mỗi mã in,

công nhân sẽ tiến hành vệ sinh trực in, khuôn in và thiết bị in bằng nước sạch với lượng nước sử dụng vào khoảng 50 lít/ngày. Nước thải sau khi vệ sinh sẽ được dẫn chảy vào rãnh chứa nước bằng bê tông cốt thép bên cạnh máy in (bên trong nhà xưởng). Dự án sẽ hút lượng nước thải này vào tank chứa, sau đó chuyển về khu lưu giữ chất thải nguy hại, thuê đơn vị có đủ chức năng thu gom, xử lý.

Mực in sẽ khô ngay khi tiếp xúc với giấy. Quá trình in sẽ làm phát sinh khí thải mực in, thùng đựng mực và nước thải.



Công đoạn in nội dung

- Cắt bế/khe hở:

Sau khi in xong, sản phẩm sẽ được chuyển đến công đoạn cắt bế/tạo khe hở để tạo hình cho sản phẩm đúng theo quy cách mà khách hàng yêu cầu.

- Đinh ghim, dán thùng:

Tại công đoạn này, tùy từng đơn hàng mà công nhân sẽ thực hiện ghim hoặc dán thùng.

Dự án sử dụng hồ tinh bột dạng pha sẵn cho công đoạn dán. Hồ nhập về nhà máy sẽ được đổ trực tiếp vào khay chứa hồ của máy dán thùng. Từ đó bơm cấp tự động cho công đoạn dán. Sau mỗi ca sản xuất, công nhân sẽ sử dụng nước để vệ sinh khay chứa hồ với lượng nước sử dụng vào khoảng 10 lít/ngày.

Công đoạn này sẽ làm phát sinh đinh ghim hỏng và nước thải.



Công đoạn dán thùng

- Kiểm tra, đóng hàng, lưu kho thành phẩm:

Tại công đoạn này, công nhân sẽ kiểm tra chất lượng sản phẩm (ngoại quan, kích thước, màu sắc mực in, chất lượng mối ghim, dán,...). Sản phẩm đạt yêu cầu sẽ được chuyển đi đóng hàng. Sau đó đưa vào kho chờ ngày xuất cho khách hàng.



Sản phẩm của dự án

2. Các sản phẩm của dự án đầu tư, cơ sở, nguyên, nhiên liệu, hóa chất sử dụng, máy móc thiết bị phục vụ quá trình hoạt động của cơ sở

Danh mục nguyên vật liệu tham gia vào quá trình sản xuất của dự án được thể hiện chi tiết trong bảng số liệu dưới đây:

Bảng 2. Bảng nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu phục vụ quá trình sản xuất của dự án

STT	Tên nguyên vật liệu	Đơn vị	Khối lượng	Nguồn gốc
1	Tấm bìa carton đã tạo sóng	Tấn/năm	2.730	Việt Nam
2	Mực in gốc nước	Tấn/năm	6	Việt Nam, Trung Quốc
3	Hồ tinh bột	Tấn/năm	0,6	Việt Nam
4	Đinh ghim	Tấn/năm	0,12	Việt Nam

(Nguồn: Công ty TNHH nguyên vật liệu bao bì đóng gói Vĩ Nguyệt Tân)

Máy móc, thiết bị phục vụ trong quá trình hoạt động của dự án

Các loại máy móc, thiết bị dự kiến đầu tư cho hoạt động sản xuất của Dự án tính cho năm sản xuất ổn định được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 3. Danh mục máy móc thiết bị phục vụ quá trình hoạt động của dự án

STT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ	Mục đích sử dụng
1	Máy dán bán tự động	Cái	01	Trung Quốc	Dán thùng
2	Máy cắt giấy	Cái	01	Trung Quốc	Cắt bẻ
3	Máy gấp và cắt	Cái	01	Trung Quốc	Cắt bẻ
4	Máy bó tự động	Cái	02	Trung Quốc	Đóng gói
5	Máy cắt bẻ bìa carton	Cái	01	Trung Quốc	Cắt bẻ
6	Máy in tem	Cái	01	Trung Quốc	In tem
7	Máy in phun carton	Cái	01	Trung Quốc	In thùng
8	Máy in thùng giấy	Cái	01	Trung Quốc	In thùng
9	Máy kiểm tra độ bền thùng carton, độ bục giấy	Cái	01	Trung Quốc	Kiểm tra

10	Máy bắn đinh	Cái	02	Trung Quốc	Đinh ghim
11	Máy chạy phân giấy	Cái	01	Trung Quốc	Chạy phân giấy
12	Xe nâng	Cái	01	Trung Quốc	Vận chuyển

(Nguồn: Công ty TNHH nguyên vật liệu bao bì đóng gói Vĩ Nguyệt Tân)

*** Nhu cầu về điện:**

Điện được sử dụng cho quá trình hoạt động của máy móc thiết bị, hoạt động chiếu sáng; phục vụ trong các hoạt động văn phòng, sinh hoạt của cán bộ công nhân viên làm việc tại dự án như: quạt mát, điều hòa... với tổng lượng điện sử dụng vào khoảng 6.960 kwh/tháng.

*** Nhu cầu về nước:**

Trong quá trình hoạt động, thì dự án sử dụng nước cho quá trình sinh hoạt của cán bộ công nhân viên làm việc tại dự án, công vệ sinh trực in, khuôn in, thiết bị in; công đoạn vệ sinh khay chứa hồ dán; tưới cây, rửa đường, phòng cháy chữa cháy... với lượng nước sử dụng cho từng mục đích được thể hiện chi tiết như sau:

- Nước sử dụng cho quá trình sinh hoạt của cán bộ công nhân viên Công ty:

Theo TCVN 13606:2023 thì Tiêu chuẩn dùng nước của công nhân trong nhà máy = Tiêu chuẩn dùng nước sinh hoạt trong cơ sở sản xuất công nghiệp vào khoảng 75 lít/người/ngày đêm.

Khi dự án đi vào hoạt động, tổng số lượng cán bộ công nhân viên làm việc tại dự án vào khoảng 30 người. Nên lượng nước cấp cho quá trình sinh hoạt của cán bộ công nhân viên làm việc tại dự án được tính như sau:

$$Q = 30 \text{ người} \times 75 \text{ lít/người/ngày} = 2.250 \text{ lít/ngày} = 2,25 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}.$$

- Nước sử dụng cho công đoạn vệ sinh trực in, khuôn in, thiết bị in vào khoảng 50 lít/ngày $\sim 0,05 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Nước sử dụng cho công đoạn vệ sinh khay chứa hồ dán vào khoảng 10 lít/ngày $\sim 0,01 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Nước sử dụng cho phòng cháy chữa cháy chỉ được sử dụng khi có hỏa

hoạn.

Bảng 4. Bảng nhu cầu sử dụng điện, nước của dự án

TT	Tên loại	Đơn vị	Lượng sử dụng	Lượng thải
I	Điện	KWh/tháng	6.960	
II	Nhu cầu sử dụng nước	m ³ /ngày	3,31	3,31
1	Nước sử dụng cho mục đích sinh hoạt	m ³ /ngày	2,25	2,25
2	Nước sử dụng cho công đoạn vệ sinh trực in, khuôn in, thiết bị in	m ³ /ngày	0,05	0,05
3	Nước sử dụng cho công đoạn vệ sinh khay chứa hồ dán	m ³ /ngày	0,01	0,01
4	Nước sử dụng cho công tác phòng cháy chữa cháy	Chứa trong bể dự trữ và chỉ sử dụng khi có hỏa hoạn xảy ra		

3. Loại, khối lượng chất thải phát sinh của dự án đầu tư, cơ sở

3.1. Loại và khối lượng nước thải phát sinh

- Nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt của dự án phát sinh từ 2 nguồn chính:

+ Nước thải không có chứa phân, nước tiểu và các loại thực phẩm từ các thiết bị vệ sinh như chậu rửa mặt,...: Loại nước thải này chứa chủ yếu chất rắn lơ lửng, các chất tẩy giặt và thường gọi là nước "*xám*". Nồng độ các chất hữu cơ trong loại nước thải này thấp và thường khó phân hủy sinh học. Trong nước thải chứa nhiều tạp chất vô cơ.

+ Nước thải chứa phân, nước tiểu từ các khu vệ sinh (toilet) còn được gọi là "*nước đen*". Trong nước thải thường tồn tại các vi khuẩn gây bệnh và dễ gây mùi hôi thối. Hàm lượng chất hữu cơ (BOD₅) và các chất dinh dưỡng như: Nitơ (N), Photpho (P) cao. Loại nước thải này thường gây nguy hại đến sức khỏe và dễ làm nhiễm bẩn đến nguồn nước tiếp nhận.

Theo Nghị định 80/2014/NĐ-CP ngày 06/08/2014 về thoát nước thải và xử lý nước thải thì lượng nước thải bằng 100% lượng nước cấp. Nhu cầu sử dụng nước cấp cho hoạt động sinh hoạt trong quá trình hoạt động của cán bộ công nhân viên làm việc tại dự án là 2,25 m³/ngày đêm (phục vụ nhu cầu sinh hoạt của 30

cán bộ nhân viên). Do đó, lượng nước thải sinh hoạt phát sinh là 2,25 m³/ngày đêm. Nước thải sinh hoạt chứa nhiều chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), chất hữu cơ dễ phân huỷ (BOD₅, COD), chất dinh dưỡng (N, P) và các vi khuẩn gây bệnh,... nên có thể gây ô nhiễm nguồn nước mặt và nước ngầm nếu không được xử lý.

Dựa theo số liệu của Bảng 21 – Tải lượng ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt tại TCVN 7957:2023 về thoát nước – mạng lưới và công trình bên ngoài – yêu cầu thiết kế, ta có thể tính được tải lượng và nồng độ các chất gây ô nhiễm có thể phát sinh do quá trình sinh hoạt của cán bộ công nhân viên trong quá trình hoạt động nếu không được xử lý như sau:

Tải lượng các chất ô nhiễm = Số người x Hệ số phát thải;

Nồng độ các chất ô nhiễm = Tổng lượng chất ô nhiễm / tổng lượng nước thải

Bảng 5. Tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình hoạt động của dự án

TT	Chất ô nhiễm	Hệ số phát thải (g/người/ngày)	Tải lượng lớn nhất (g/ngày)	Nồng độ lớn nhất (mg/l)	QCDP 01:2019/HY (K = 1,2; K _{hy} = 0,9)
1	BOD ₅	55 ÷ 60	2.915 ÷ 3.180	800	32,4
2	Amoni	10,5	557	140	6
3	TSS	60 ÷ 65	3.180 ÷ 3.445	866,7	54
4	Tổng N	13	689	173,4	-
5	Tổng P	2,5	133	33,4	-

Ghi chú:

+ Hệ số phát thải tính theo TCVN 7957:2023 về thoát nước – mạng lưới và công trình bên ngoài – yêu cầu thiết kế;

+ QCDP 01:2019/HY (K = 1,2; K_{hy} = 0,9): Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải sinh hoạt.

Nhận xét: So sánh với QCDP 01:2019/HY cho thấy nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải đều vượt nhiều lần so với quy chuẩn cho phép. Thành phần nước thải sinh hoạt có chứa các chất cặn bã, các chất rắn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ dễ phân huỷ sinh học (BOD₅), các hợp chất dinh dưỡng (N, P),

và các vi sinh vật. Nếu lượng nước thải này thải trực tiếp vào môi trường sẽ gây tác động trực tiếp đến chất lượng nước mặt, nước ngầm và cảnh quan môi trường trong khu vực, tạo điều kiện cho rong, tảo phát triển gây ra hiện tượng phú dưỡng.

3.2. Nguồn và lưu lượng khí thải phát sinh

- *Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình hoạt động của phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm:* Hàng ngày có một lượng nhất định các phương tiện giao thông cơ giới ra vào khu vực thực hiện dự án. Quá trình hoạt động của các phương tiện này do sử dụng nhiên liệu chủ yếu là xăng, dầu nên khi đốt sẽ sinh ra các chất ô nhiễm không khí như bụi, SO₂, NO₂, CO, VOC... Tuy nhiên các xe chủ yếu di chuyển trên đường nên mức độ ảnh hưởng đến dự án là không lớn, các chất ô nhiễm không khí sinh ra phát tán ngay vào môi trường không khí và không tập trung tại một khu vực cố định nên tác động của bụi, khí thải phát sinh từ quá trình hoạt động của phương tiện giao thông đến môi trường không khí là không đáng kể.

- *Hơi mực in phát sinh từ công đoạn in:*

Tại công đoạn in, dự án sử dụng mực in hệ nước: Đây là loại mực in hữu cơ với thành phần chính là: Nhựa acrylic 50%, Chất phụ gia 3%, Bột màu 30%, Nước 17%.

Quá trình in được diễn ra trong điều kiện bình thường.

Trong hỗn hợp thành phần của mực in hệ nước thì chỉ có nước có khả năng bay hơi. Các thành phần khác là nhựa acrylic, chất phụ gia và bột màu không có khả năng bay hơi. Quá trình khô mực phụ thuộc vào khả năng bay hơi của nước và khả năng thấm hút vào bề mặt vật liệu in.

Chính vì vậy, tác động của hơi mực in phát sinh từ công đoạn in trong quá trình sản xuất bao bì carton là thấp.

- *Mùi phát sinh từ quá trình lưu giữ chất thải:*

Trong quá trình hoạt động, mùi có thể phát sinh từ quá trình phân hủy các tạp chất, hợp chất hữu cơ có trong rác thải sinh hoạt với thành phần gồm các chất gây mùi như H₂S, NH₃, Mecaptan, CO₂, C_xH_y,... gây ra mùi hôi khó chịu gây tác động đến môi trường không khí xung quanh khu vực thực hiện dự án. Mùi phát

sinh sẽ gây cảm giác khó chịu về tâm lý hơn là tác hại đối với cơ thể. Không khí có mùi khó chịu sẽ làm giảm chất lượng cuộc sống, gây khó thở, buồn nôn khiến cho con người cảm thấy uể oải, mệt mỏi ảnh hưởng đến hiệu suất công việc cũng như chất lượng cuộc sống. Tuy nhiên do lượng rác thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình hoạt động của dự án thấp, chất thải rắn sinh hoạt được chứa đựng trong các thùng chứa rác kín, các thùng chứa rác được lưu chứa tại khu lưu chứa riêng biệt với các khu vực khác, chất thải rắn sinh hoạt được chủ dự án hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng hàng ngày vận chuyển khỏi dự án để đưa đi xử lý theo quy định nên lượng mùi phát sinh từ quá trình lưu giữ chất thải của dự án là thấp và ít ảnh hưởng đến môi trường, nhân viên làm việc tại dự án và các dự án xung quanh khu đất thực hiện dự án.

Mức độ tác động của các chất khí và bụi

Khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án chủ yếu từ các phương tiện giao thông đi lại, tập kết rác thải,...bao gồm các khí: Bụi, SO_2 , VOC, NO_x , ...Đây là khí độc hại đối với con người và động vật.

- SO_2 là sản phẩm của quá trình đốt cháy nguyên liệu hoá thạch chứa hợp chất của lưu huỳnh. SO_2 là chất khí không màu, khá linh hoạt nó có thể phản ứng ngay trên bề mặt chất rắn (ở đây là bụi) đồng thời cũng dễ tan trong nước và có thể bị oxy hoá trong không khí khi có các giọt nước hoặc hơi nước. Các ảnh hưởng đối với cơ thể người: do tính dễ hoà tan SO_2 thường bị hấp thụ ngay trên lá mũi và cuống phổi, lượng hấp thụ phụ thuộc vào nồng độ SO_2 trong không khí. Ở nồng độ 1 mg/m^3 không khí tiếp xúc trong vòng 10 phút, người tiếp xúc có thể thấy ảnh hưởng của nó đến sức khoẻ, do vậy cộng đồng Châu Âu lấy giới hạn để tiếp xúc trong thời gian ngắn là $0,5 \text{ mg/m}^3$ và trong thời gian dài là $0,35 \text{ mg/m}^3$.

- Các hạt bụi từ hoạt động của các phương tiện vận tải, bụi nhựa tác động đến con người qua đường hô hấp, nó được tích tụ trong các phế nang của phổi, các ảnh hưởng có thể trực tiếp hoặc lâu dài, làm giảm khả năng hô hấp, một số thành phần có thể là tác nhân gây bệnh ung thư.

- NO_2 hình thành trong tất cả các quá trình đốt ở nhiệt độ cao, NO_2 là chất khí có màu nâu đỏ, dễ tan trong nước tạo thành HNO_3 và NO . Ở nhiệt độ thấp các

phân tử NO_2 liên kết với nhau tạo thành N_2O_4 . Khi tiếp xúc với dioxitnitơ ở nồng độ cao gây ra kích thích đường hô hấp trên và mắt, có thể đau tức ngực và ho, trường hợp tiếp xúc lâu dài có thể gây tổn thương phổi, phù phổi, có những trường hợp gây lên tác động tới toàn cơ thể do sản phẩm độc tạo từ tế bào phổi bị phân huỷ.

Bảng 6: Bảng các triệu chứng bệnh lý do NO_2 gây ra

<i>Nồng độ NO_2 ppm</i>	<i>Thời gian tiếp xúc</i>	<i>Triệu chứng</i>
≥ 500	48 giờ	Chết người
300÷400	2÷10 ngày	Gây viêm phổi và chết
150÷200	3÷5 tuần	Gây viêm xơ cuống phổi
50÷100	6÷8 tuần	Viêm cuống phổi và màng phổi

Nguồn: Trần Ngọc Trán, ô nhiễm không khí và xử lý khí thải, NXB khoa học và kỹ thuật Hà Nội.

- CO là một loại khí độc do nó phản ứng rất mạnh (có ái lực) với hồng cầu trong máu và tạo thành cacbonxy hemoglobin (COHb) làm hạn chế sự trao đổi và vận chuyển oxy của máu đi nuôi cơ thể. Ái lực của CO đối với hồng cầu gấp 200 lần so với oxy. Hàm lượng COHb trong máu có thể làm bằng chứng cho mức độ ô nhiễm oxit cacbon trong không khí xung quanh. Hồng cầu trong máu hấp thụ CO nhiều hay ít còn tùy thuộc vào nồng độ CO trong không khí, thời gian tiếp xúc của cơ thể với không khí bị ô nhiễm và mức độ hoạt động của cơ thể.

Hàm lượng COHb trong máu được quan niệm như sau: Thông thường trong cơ thể con người có 5000 ml máu và cứ 100 ml máu có 20 ml khí oxy. Nếu Cacbo oxit thay thế hoàn toàn oxy trong máu thì ta gọi trường hợp đó là máu bị bão hòa-tức là hàm lượng COHb là 100%.

Hàm lượng COHb trong máu từ 2÷5% bắt đầu có dấu hiệu ảnh hưởng đến hệ thần kinh trung ương. Khi hàm lượng COHb trong máu từ 10÷20 % các chức năng hoạt động của các cơ quan khác nhau trong cơ thể bị tổn thương. Nếu hàm lượng COHb tăng đến $\geq 60\%$ tương ứng với nồng độ khí CO trong không khí là 1000 ppm thì tính mạng bị nguy hiểm và dẫn đến tử vong.

Bảng 7: Triệu chứng cơ thể phản ứng với nồng độ cacboxy-hemoglobin trong

máu

TT	Triệu chứng	% COHb trong máu
1	Không có dấu hiệu	< 1,0
2	Một vài biểu hiện không bình thường trong ứng xử	1,0÷2,0
3	Ảnh hưởng đến hệ thần kinh trung ương, giảm khả năng phân biệt về khoảng thời gian, kém nhạy cảm giác quan, phân biệt độ sáng và một vài chức năng tâm lý khác	2,0÷5,0
4	Chức năng tim, phổi bị ảnh hưởng	5,0÷10,0
5	Đau đầu nhẹ, giãn mạch máu ngoại vi	10,0÷20
6	Đau đầu, mấp máy thái dương	20÷30
7	Đau đầu nhiều, mệt mỏi, hoa mắt chóng mặt, buồn nôn, nôn mửa và suy sụp	30÷40
8	Suy sụp, ngất, mạch đập và nhịp thở chậm dần	40÷50
9	Ngất, giảm mạch đập và nhịp thở, hôn mê và co giật từng cơn	50÷60
10	Hôn mê, co giật từng cơn, tim mạch suy giảm và nguy cơ tử vong	60÷70
11	Mạch yếu, thở chậm và yếu dần rồi tắc thở sau vài giờ	70÷80
12	Chết trong vòng <1 giờ	80÷90
13	Chết trong vòng vài phút	>90

Nguồn: Trần Ngọc Trán, ô nhiễm không khí và xử lý khí thải, NXB khoa học và kỹ thuật Hà Nội.

- VOCs khi xâm nhập vào cơ thể qua đường hô hấp, gây rối loạn các chức năng của enzym, ảnh hưởng tới hệ hô hấp, thần kinh, gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người vì vậy cần có biện pháp giảm thiểu tác động của VOCs gây ra.

- Bụi: là những hạt có kích thước nhỏ, bay lơ lửng trong không khí, bụi có thể gây ra nhiều tác hại khác nhau nhưng trong đó tác hại đối với sức khỏe con người là quan trọng nhất. Bụi có thể gây tổn thương đối với mắt, da hoặc hệ tiêu hóa (một cách ngẫu nhiên), nhưng chủ yếu là sự xâm nhập vào phổi do hít thở và lắng đọng lại trong phổi gây ra bệnh bụi phổi (pneumoconiosis). Làm suy giảm hệ hô hấp, xơ hóa lá phổi và tổn thương nghiêm trọng hệ hô hấp.

3.3. Loại và khối lượng CTR sinh hoạt phát sinh:

- *Nguồn phát sinh:* Từ hoạt động sinh hoạt của công nhân của dự án.

- *Khối lượng, chủng loại phát sinh:* Dự kiến như bảng sau:

Bảng 8. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại dự án

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt như: thức ăn thừa, rau, củ...	Rắn	4,5
2	Bùn thải từ bể tự hoại xử lý sơ bộ NTSH	Bùn	0,5
Tổng			5

3.4. Loại và khối lượng CTR công nghiệp thông thường phát sinh:

Với đặc thù sản xuất của dự án, chất thải rắn sản xuất phát sinh dự kiến như sau:

- *Nguồn phát sinh:* Từ hoạt động sản xuất của dự án
- *Khối lượng, chủng loại phát sinh:* Dự kiến như bảng sau:

Bảng 9. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại dự án

TT	Thành phần	Đơn vị	Khối lượng
1	Bao bì giấy, thùng carton phát sinh từ hoạt động văn phòng	Kg/năm	120
2	Bao gói nguyên liệu, sản phẩm	Kg/năm	500
3	Bavia giấy thải	Kg/năm	100.000
4	Sản phẩm lỗi	Kg/năm	30.000
5	Đinh ghim hỏng	Kg/năm	5
	Tổng	Kg/năm	130.625

3.5. Loại và khối lượng CTNH phát sinh:

Trong quá trình hoạt động của dự án thì chất thải nguy hại phát sinh như sau:

- *Nguồn phát sinh:* Từ hoạt động sản xuất, vận chuyển hàng hoá.
- *Khối lượng, chủng loại phát sinh:* Dự kiến như bảng sau:

Bảng 10. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại dự án

TT	Chất thải	Trạng thái tồn tại	Đơn vị	Lượng thải	Mã CTNH
1	Bóng đèn và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	Kg/tháng	0,5	16 01 06

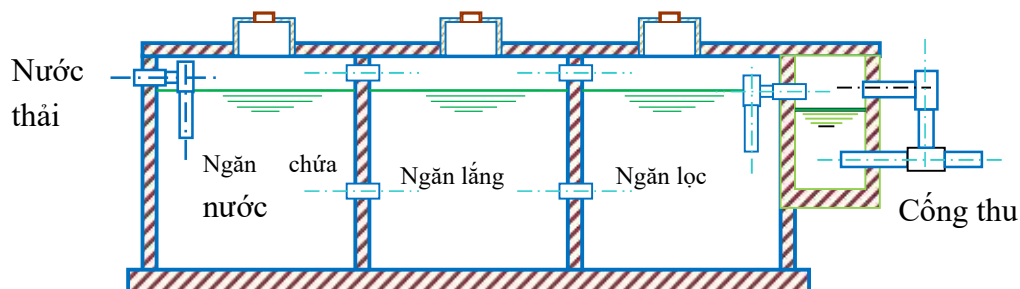
2	Dầu động cơ, hộp số bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	Kg/tháng	10	17 02 03
3	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại;	Rắn	Kg/tháng	10	18 02 01
4	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	Rắn	Kg/tháng	25	18 01 02
5	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	Kg/tháng	10	18 01 03
	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	Kg/tháng	10	18 01 03
6	Nước thải từ công đoạn vệ sinh trực in, khuôn in, thiết bị in	Lỏng	Kg/tháng	1.300	19 10 01
	Nước thải từ công đoạn vệ sinh khay chứa hồ dán	Lỏng	Kg/tháng	260	19 10 01
7	Mực in thải	Lỏng	Kg/tháng	5	08 02 01
Tổng			Kg/tháng	1.630,5	

4. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải của dự án đầu tư, cơ sở

4.1. Phương án thu gom, quản lý và xử lý nước thải phát sinh:

Nước phải sinh hoạt phát sinh của dự án sẽ được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn, sau đó được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung do Công ty TNHH INOX Thái An (đơn vị cho thuê nhà xưởng) đã đầu tư để xử lý đạt QCDP 01:2019/HY trước khi xả ra ngoài môi trường.

+ Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn:



Hình 2. Sơ đồ bể tự hoại 3 ngăn

Nguyên lý hoạt động:

Bể tự hoại 3 ngăn là công trình làm đồng thời 2 chức năng: Lắng và phân hủy cặn lắng. Chất hữu cơ và cặn lắng trong bể tự hoại dưới tác dụng của vi sinh vật kỵ khí sẽ bị phân hủy, một phần tạo ra chất khí, một phần tạo ra chất vô cơ hòa tan. Nước thải khi qua ngăn lắng 1 sẽ tiếp tục qua ngăn lắng 2 và 3 trước khi thải ra ngoài. Hiệu quả xử lý của bể tự hoại nằm trong khoảng 60-65% SS, 35-45% BOD₅, COD.

Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý qua bể tự hoại sẽ được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung do Công ty TNHH INOX Thái An (đơn vị cho thuê nhà xưởng) đã đầu tư để xử lý đạt QCVN 01:2019/HY trước khi xả ra ngoài môi trường.

4.2. Phương án thu gom, quản lý và xử lý khí thải phát sinh:

- Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình hoạt động của phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm:

Trong quá trình hoạt động thì nồng độ bụi, khí thải phát sinh từ quá trình hoạt động của các phương tiện vận chuyển thấp hơn nhiều so với quy định. Tuy nhiên để giảm thiểu tối đa tác động của bụi, khí thải phát sinh thì chủ dự án áp dụng các biện pháp sau:

- + Các xe vận chuyển được che đậy kín, đảm bảo không phát tán bụi vào môi trường không khí;

- + Các xe phải đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường mới được phép hoạt động;

- + Thiết bị và máy móc cơ khí được bảo trì thường xuyên;

- + Thường xuyên làm vệ sinh, quét dọn, thu gom rác trong khuôn viên dự án;

- + Đối với các phương tiện sử dụng nhiên liệu, chủ dự án sẽ lập nội quy ra vào dự án, hạn chế mức thấp nhất lượng xe ra vào, bố trí hợp lý các xe chuyên chở hàng hóa. Bố trí bãi đỗ xe rộng rãi, thoáng cho các xe ra vào dự án;

- + Trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động cho cán bộ công nhân viên làm việc tại dự án như quần áo, giày dép, găng tay, khẩu trang...

- Hơi mực in phát sinh từ công đoạn in:

Để giảm thiểu tối đa tác động của hơi mực in phát sinh từ công đoạn in thì chủ dự án áp dụng các biện pháp giảm thiểu sau:

- + Bố trí công đoạn in tại khu vực riêng;
- + Quét dọn vệ sinh nhà xưởng sau mỗi ca sản xuất;
- + Áp dụng các biện pháp thông thoáng nhà xưởng.

Ngoài ra, để giảm thiểu tối đa tác động của hơi mực in phát sinh đến sức khỏe của cán bộ công nhân viên thì chủ dự án cũng trang bị đầy đủ đồ bảo hộ lao động cho nhân viên làm việc tại khu vực in như: quần áo bảo hộ, mũ, kính, găng tay, khẩu trang,...

- Giảm thiểu tác động của mùi phát sinh từ khu lưu giữ chất thải rắn

Như nội dung đánh giá tại phần trên thì quá trình thu gom, lưu giữ chất thải rắn có thể làm phát sinh mùi khó chịu. Để giảm thiểu tối đa tác động của mùi phát sinh thì chủ dự án áp dụng các biện pháp giảm thiểu tác động của mùi như sau:

- Trang bị các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt đảm bảo quy định, có nắp đậy kín;
- Bố trí khu lưu giữ tách biệt với các khu vực khác và hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng hàng ngày đến vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đi xử lý để giảm thiểu tối đa mùi phát sinh.

4.3. Phương án thu gom, quản lý và xử lý đối với chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Trong quá trình hoạt động, dự án chủ yếu phát sinh chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động ăn trưa của cán bộ công nhân viên nhà máy. Tuy nhiên, nhân viên nhà máy sẽ ăn trưa tại nhà ăn của Công ty TNHH INOX Thái An (đơn vị cho thuê nhà xưởng) nên toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh của dự án được thu gom, lưu giữ tại nhà ăn của Công ty TNHH INOX Thái An.

Công ty thuê đơn vị thu gom chất thải rắn sinh hoạt địa phương định kỳ đến vận chuyển và đưa toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt đi xử lý theo đúng

quy định.

Đối với bùn thải phát sinh từ bể tự hoại được Công ty thuê các đơn vị có đủ chức năng đến hút và đưa toàn bộ lượng bùn thải đi xử lý đảm bảo theo đúng quy định.

4.4. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn thông thường phát sinh:

Trong quá trình hoạt động của dự án thì chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh chủ yếu gồm: Bao bì giấy, thùng carton... phát sinh từ khu vực văn phòng; Bao gói đựng nguyên liệu, sản phẩm; Bavia giấy thải; Sản phẩm lỗi.

Toàn bộ lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường được phân loại ngay tại nguồn phát sinh; chủ dự án cho công nhân thu gom, phân loại và chứa trong các thùng chứa rác chuyên dụng, bao bì mềm được đặt tại khu vực lưu giữ chất thải rắn thông thường.

Hàng ngày, công nhân tiến hành vận chuyển chất thải rắn thông thường về khu lưu giữ chất thải thông thường (diện tích 3m²) của dự án để lưu giữ tạm thời. Khu lưu giữ được ngăn cách với khu vực xung quanh, đảm bảo không bị nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; khu vực lưu chứa, các thùng chứa có dán nhãn, biển chỉ dẫn theo quy định.

Công ty ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng thu mua phế liệu thu mua toàn bộ chất thải rắn công nghiệp thông thường của dự án.

4.5. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải nguy hại phát sinh:

Công ty tuân thủ các quy định của Pháp luật về quản lý chất thải nguy hại theo Thông tư số 07/2022/TT-BTNMT, Nghị định 08/2022/NĐ-CP và Nghị định 48/2026/NĐ-CP cụ thể như sau:

Trong quá trình hoạt động của dự án thì chất thải nguy hại phát sinh chủ yếu bao gồm: Bóng đèn và các loại thủy tinh hoạt tính thải; Dầu động cơ, hộp số bôi trơn tổng hợp thải; Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải; Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải; Nước thải từ công đoạn vệ sinh trực in,

khuôn in, thiết bị in; Nước thải từ công đoạn vệ sinh khay chứa hồ dán.

Toàn bộ lượng chất thải nguy hại phát sinh được phân loại ngay tại nguồn. Hàng ngày công nhân tiến hành vận chuyển lượng chất thải nguy hại này về khu lưu giữ chất thải nguy hại diện tích 5m² của dự án.

Khu lưu giữ chất thải nguy hại được ngăn cách với khu vực xung quanh, sàn chống thấm kín khít, không bị thấm thấu, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; Khu lưu giữ chất thải nguy hại được dán biển báo ngang tầm nhìn của mọi người; các thiết bị lưu trữ chất thải nguy hại được dán biển cảnh báo có hình tam giác đều, nền tam giác màu vàng, viền đen tương ứng với tính chất của loại chất thải và ý nghĩa cảnh báo theo TCVN 6707:2009.

Công ty ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng định kỳ đến vận chuyển và đưa toàn bộ lượng chất thải nguy hại đi xử lý theo đúng quy định.

5. Cam kết thực hiện công tác bảo vệ môi trường

Trong quá trình hoạt động của dự án thì để đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường thì chủ dự án cam kết:

- Cam kết tuân thủ đúng các quy định về môi trường và an toàn lao động do Nhà nước đặt ra;
- Cam kết thực hiện đúng các giải pháp và biện pháp bảo vệ môi trường được dự án đề ra;
- Cam kết đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp để xảy ra sự cố và rủi ro môi trường do triển khai dự án.

Chúng tôi cam kết bảo đảm về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị UBND xã Triệu Việt Vương tiếp nhận đăng ký môi trường của Công ty TNHH nguyên vật liệu bao bì đóng gói Vĩ Nguyệt Tân./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP.

CHỦ DỰ ÁN



**GIÁM ĐỐC
ĐÀO THỊ KIỀU**

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0901068243

Đăng ký lần đầu: ngày 12 tháng 12 năm 2019

Đăng ký thay đổi lần thứ: 4, ngày 13 tháng 08 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH NGUYỄN VẬT LIỆU BAO BÌ
ĐÓNG GÓI VĨ NGUYỆT TÂN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VI NGUYET TAN PACKAGING
MATERIALS COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: VI NGUYET TAN CO., LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

Thôn An Dân, Xã Triệu Việt Vương, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: 0393.232.819

Số Fax:

Thư điện tử:

Website:

3. Vốn điều lệ : 19.500.000.000 đồng.

Bằng chữ: Mười chín tỷ năm trăm triệu đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ, chữ đệm và tên: ĐÀO THỊ KIỀU

Giới tính: Nữ

Ngày, tháng, năm sinh: 12/11/1996

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 024196002703

Địa chỉ liên lạc: *Thôn An Dân, Xã Triệu Việt Vương, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam*

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: ĐÀO THỊ KIỀU

Giới tính: Nữ

Ngày, tháng, năm sinh: 12/11/1996

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 024196002703

Chức danh: Giám đốc

Địa chỉ liên lạc: *Thôn An Dân, Xã Triệu Việt Vương, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam*

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



TRẦN VĂN THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----***-----

HỢP ĐỒNG THUÊ KHO BÃI, NHÀ XƯỞNG

(Số: 001/2026/HĐTNX-TA-BBVNT)

Hôm nay, ngày 06 tháng 01 năm 2026, Tại văn phòng công ty TNHH Inox Thái An- Địa chỉ: Thôn An Dân, xã Triệu Việt Vương, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Chúng tôi gồm có:

BÊN CHO THUÊ KHO BÃI, NHÀ XƯỞNG (BÊN A): CÔNG TY TNHH INOX THÁI AN

Địa chỉ : Thôn An Dân, xã Triệu Việt Vương, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Mã số thuế: 0900622518

Điện thoại: 0982711041

Đại diện: Ông Nguyễn Văn Nhi Chức vụ: Giám đốc

Số tài khoản: 7236666666 tại ngân hàng TMCP Á Châu- CN. Hưng Yên

Là chủ sở hữu của Kho bãi, nhà xưởng cho thuê.

BÊN THUÊ KHO BÃI, NHÀ XƯỞNG (BÊN B): CÔNG TY TNHH NGUYÊN VẬT LIỆU

BAO BÌ ĐÓNG GÓI VĨ NGUYỆT TÂN

MST: 0901068243

Địa chỉ: Thôn An Dân, xã Triệu Việt Vương, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Đại diện : Bà Đào Thị Kiều Chức vụ: Giám đốc

Số tài khoản: 1021000024778 tại ngân hàng Vietcombank Phố Hiến - CN Hưng Yên

Hai bên cùng thỏa thuận ký hợp đồng với những nội dung sau:

ĐIỀU 1: ĐỐI TƯỢNG VÀ NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

1.1. Bên A đồng ý cho thuê và bên B đồng ý thuê phần diện tích Kho bãi, nhà xưởng, văn phòng nằm trên diện tích đất 8010 m² thuộc quyền sở hữu của bên A tại An Dân, xã Triệu Việt Vương, tỉnh Hưng Yên.

Trong đó có phần Kho bãi, nhà xưởng đã được xây dựng trên diện tích 5286 m²; diện tích sàn xây dựng 5536 m² và toàn bộ hệ thống thiết bị đi kèm theo Kho bãi.

1.2. Mục đích thuê: Làm kho bãi, nhà xưởng và văn phòng.

ĐIỀU 2: THỜI HẠN CỦA HỢP ĐỒNG

2.1. Thời hạn thuê Kho bãi, nhà xưởng là 03 năm được tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 12 năm 2028

2.2. Khi hết hạn hợp đồng, tùy theo tình hình thực tế hai Bên có thể thỏa thuận gia hạn.

2.3. Trường hợp một trong hai bên ngưng hợp đồng trước thời hạn đã thỏa thuận thì phải thông báo cho bên kia biết trước ít nhất 3 tháng.

2.4. Trong trường hợp Hợp đồng kết thúc trước thời hạn đúng quy trình. Bên B không có nhu cầu thuê nữa thì Bên A có trách nhiệm hoàn lại toàn bộ số tiền cọc của Bên B sau khi đã trừ các khoản tiền thuê Kho bãi trước đó đã đặt cọc; Bên B được nhận lại toàn bộ trang thiết bị do mình mua sắm và lắp đặt.

ĐIỀU 3: GIÁ CẢ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

3.1. Giá thuê Kho bãi, nhà xưởng là: 176.937.088VNĐ/tháng (Một trăm bảy mươi sáu triệu, chín trăm ba mươi bảy nghìn không trăm tám mươi tám đồng một tháng). Diện tích kho bãi, nhà xưởng: 2000 m²

3.2. Giá thuê tiện ích bên ngoài: 14.673.904VNĐ/ tháng (Mười bốn triệu, sáu trăm bảy mươi ba nghìn chín trăm linh bốn đồng một tháng)..

Diện tích tiện ích: 518 m²

3.3. Giá thuê văn phòng làm việc là: 3.979.091VNĐ/ tháng (Ba triệu chín trăm bảy mươi chín nghìn, không trăm chín mươi mốt đồng trên một tháng).

Diện tích văn phòng: 37 m².

Tổng tiền chi phí thuê kho bãi, nhà xưởng, văn phòng một tháng là: 195.590.083VNĐ (Một trăm chín mươi lăm triệu, năm trăm chín mươi nghìn, không trăm tám mươi ba đồng)

Giá trên đã bao gồm thuế VAT, cứ sau 03 năm điều chỉnh giá thuê 01 lần (nhưng tăng giảm không vượt quá 15%).

3.4. Số tiền B đã đặt cọc cho bên A là 373.798.932 VNĐ (Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi ba triệu bảy trăm chín mươi tám nghìn chín trăm ba mươi hai đồng) từ trước thời điểm ký hợp đồng này vẫn được giữ tại bên A

Khoản đặt cọc trên sẽ là để tiếp tục đảm bảo việc thực hiện đúng các điều khoản, cam kết của bên B trong suốt thời gian thuê kho bãi của hợp đồng này. Trong thời hạn hợp đồng, bên thuê (bên B) không được tự ý cho công ty khác thuê lại, trường hợp bên B hoàn trả kho bãi, nhà xưởng trước hạn hợp đồng mà không báo trước bằng văn bản, xem như bên B tự ý chịu

mất 3 tháng (ba tháng) tiền đặt cọc. Bên A cam kết giữ đúng thời hạn cho thuê đã thỏa thuận trong hợp đồng.

Khoản tiền đặt cọc này sẽ được bên A hoàn lại cho bên B trong thời gian 30 ngày kể từ ngày hai bên thanh lý hợp đồng và Bên A được quyền căn trừ khoản tiền đặt cọc này vào các khoản công nợ khác mà bên B đang nợ như: phí môi trường, xử lý nước thải, điện, nước hoặc các hư hỏng khác do quá trình bên B sử dụng gây ra (nếu có).

3.5. Hình thức thanh toán: qua chuyển khoản vào tài khoản thụ hưởng của bên A đã nêu trên. Chi phí chuyển tiền do bên B chịu trách nhiệm.

3.6. Thời gian thanh toán: Thanh toán 6 tháng/ lần. Lần đầu tiên từ ngày 1->10/1/2026. Các kỳ tiếp theo vào ngày 1 đến ngày 10 của tháng đầu tiên của kỳ tiếp theo. Bên B phải hoàn tất việc thanh toán cho Bên A sau khi bên B nhận được đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ của bên A. Sau khi quá hạn thanh toán 10 ngày Bên B chưa thanh toán thì bị phạt trễ hạn thanh toán với mức phí 1 %/ngày trên trị giá hóa đơn.

3.7. Đồng tiền thanh toán là tiền việt nam đồng.

ĐIỀU 4: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

4.1. Quyền của bên A:

- a) Yêu cầu bên B nhận Kho bãi, nhà xưởng theo thời hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng;
- b) Yêu cầu bên B thanh toán đủ tiền theo thời hạn và phương thức thỏa thuận trong hợp đồng;
- c) Yêu cầu bên B bảo quản, sử dụng Kho bãi, nhà xưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng;
- d) Yêu cầu bên B bồi thường thiệt hại hoặc sửa chữa phần hư hỏng do lỗi của bên B gây ra;
- e) Cải tạo, nâng cấp Kho bãi, nhà xưởng cho thuê khi được bên B đồng ý nhưng không được gây ảnh hưởng cho bên B;
- f) Đơn phương chấm dứt hoặc hủy bỏ hợp đồng mà không phải trả lại tiền cọc khi bên B vi phạm điều 6.1
- g) Yêu cầu bên B giao lại Kho bãi, nhà xưởng khi hết thời hạn thuê; Bên A chỉ được lấy được lấy lại Kho bãi, nhà xưởng sau khi đã thông báo cho bên B trước 03 tháng hoặc có sự thỏa thuận giữa hai bên.
- h) Các quyền khác trong hợp đồng.

4.2. Nghĩa vụ của bên A:

- a) Giao Kho bãi, nhà xưởng cho bên B theo thỏa thuận trong hợp đồng và hướng dẫn bên B sử dụng Kho bãi, theo đúng công năng, thiết kế;
- b) Bảo đảm cho bên B sử dụng ổn định Kho bãi, nhà xưởng trong thời hạn thuê;
- c) Bảo trì, sửa chữa Kho bãi, nhà xưởng theo định kỳ hoặc theo thỏa thuận; nếu bên A không bảo trì, sửa chữa Kho bãi, nhà xưởng mà gây thiệt hại cho bên B thì phải bồi thường;
- d) Không được đơn phương chấm dứt hợp đồng khi bên B thực hiện đúng nghĩa vụ theo hợp đồng, trừ trường hợp được bên B đồng ý chấm dứt hợp đồng;
- e) Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.
- f) Thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định của pháp luật.
- g) Thu hộ tiền điện, tiền nước của bên B cho bên công ty nước sạch và công ty điện lực, xuất hóa đơn thu hộ tiền điện, tiền nước cho bên B.
- h) Thực hiện xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của bên B
- i) Các nghĩa vụ khác trong hợp đồng.

ĐIỀU 5: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

5.1. Quyền của bên B:

- 1. Yêu cầu bên A giao Kho bãi, nhà xưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng;
 - 2. Yêu cầu bên A cung cấp thông tin đầy đủ, trung thực về Kho bãi, nhà xưởng;
 - 3. Được đổi Kho bãi, nhà xưởng đang thuê với người thuê khác nếu được bên A đồng ý bằng văn bản.
 - 4. Được cho thuê lại một phần hoặc toàn bộ nhà, công trình xây dựng nếu có thỏa thuận trong hợp đồng hoặc được bên A đồng ý bằng văn bản;
 - 5. Được tiếp tục thuê theo các điều kiện đã thỏa thuận với bên A trong trường hợp thay đổi chủ sở hữu;
 - 6. Yêu cầu bên A sửa chữa nhà, công trình xây dựng trong trường hợp Kho bãi, nhà xưởng bị hư hỏng không phải do lỗi của mình gây ra;
 - 7. Đơn phương chấm dứt hoặc hủy bỏ hợp đồng và nhận lại tiền cọc khi bên A vi phạm điều
- 6.2
- 8. Yêu cầu bên A bồi thường thiệt hại do lỗi của bên A gây ra;
 - 9. Các quyền khác trong hợp đồng.

5.2. Nghĩa vụ của bên B:

- Sử dụng tài sản thuê đúng mục đích và tuân thủ các điều khoản đã thoả thuận ghi trong Hợp đồng. Tuân thủ pháp luật, các quy định hiện hành theo đúng ngành nghề đã được cấp phép hoạt động. Trường hợp cần thay đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh mà ngành nghề này trái với mục đích thuê ban đầu thì Bên B phải thông báo bằng văn bản để hai bên thảo luận lại các điều khoản của Hợp đồng nhằm tránh gây trở ngại, ảnh hưởng đến quyền lợi của các Bên.

- Ký hợp đồng xử lý nước thải ngoài sinh hoạt và hợp đồng thu gom vận chuyển rác với các đơn vị có chức năng tương ứng.

- Trả đủ tiền thuê, theo đúng thoả thuận tại Điều 3 của Hợp đồng này;

- Các chi phí về xử lý nước thải ngoài sinh hoạt, phí bảo vệ môi trường, thu gom vận chuyển và xử lý rác, điện, nước, điện thoại, cũng như các tiện ích khác (nếu có)... Khi có nhu cầu sử dụng Bên B sẽ thanh toán trực tiếp cho đơn vị cung cấp dịch vụ.

- Chịu trách nhiệm duy tu, bảo dưỡng toàn bộ khuôn viên xung quanh Kho bãi, nhà xưởng, đảm bảo vệ sinh sạch sẽ công cộng.

- Giữ gìn tài sản và phải đảm bảo việc duy tu sửa chữa các hư hỏng nhỏ bên trong Kho bãi, nhà xưởng đã thuê, kể cả các trường hợp phải sửa chữa lớn đối với các hư hỏng do lỗi Bên B gây ra do không chấp hành tốt các qui định về sử dụng tài sản thuê.

- Đảm bảo việc duy trì tình trạng sử dụng tốt, ổn định của Kho bãi, nhà xưởng thuê (không kể hao mòn tự nhiên theo thời gian).

- Tôn trọng quy tắc sinh hoạt công cộng.

- Khi hoàn trả Kho bãi, nhà xưởng Bên B phải tháo gỡ, xoá bỏ các thương hiệu, trang trí, quảng cáo, và phục hồi nguyên trạng như lúc tiếp nhận ban đầu kể cả việc phải giao trả Kho bãi, nhà xưởng do hợp đồng bị thanh lý trước thời hạn bởi lỗi của Bên B.

- Chịu trách nhiệm thanh toán chi phí lắp đặt hệ thống điện, nước, xây dựng... bên trong Kho bãi, nhà xưởng để phục vụ cho việc kinh doanh, sản xuất của Bên B (nếu có).

- Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra;

- Các nghĩa vụ khác trong hợp đồng.

ĐIỀU 6: ĐƠN PHƯƠNG CHẤM DỨT THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

6.1. Bên A có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng thuê Kho bãi, nhà xưởng khi bên B có một trong các hành vi sau đây:

006223

NG TY T
INOX
HẢI

CHẤU-T

58243

NG TY
NH
VẬT T
ĐỒNG
UYỆT TÀ
ỨNG

- a) Thanh toán tiền thuê Kho bãi, nhà xưởng chậm 01 tháng trở lên so với thời điểm thanh toán tiền đã ghi trong hợp đồng mà không được sự chấp thuận của bên A;
- b) Sử dụng Kho bãi, nhà xưởng không đúng mục đích thuê;
- c) Làm tài sản hư hỏng nghiêm trọng;
- d) Làm mất trật tự công cộng nhiều lần và ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh của những doanh nghiệp xung quanh;
- e) Vi phạm nghiêm trọng đến các qui định về vệ sinh môi trường.
- f) Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, đổi hoặc cho thuê lại Kho bãi, nhà xưởng đang thuê mà không có thỏa thuận trong hợp đồng hoặc không được bên A đồng ý bằng văn bản.

6.2. Bên B có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng thuê Kho bãi, nhà xưởng khi bên A có một trong các hành vi sau đây:

- a) Không sửa chữa Kho bãi, nhà xưởng khi Kho bãi, nhà xưởng không bảo đảm an toàn để sử dụng hoặc gây thiệt hại cho bên B khi bên B đã báo cho bên A bằng văn bản;
- b) Tăng giá thuê Kho bãi, nhà xưởng bất hợp lý;
- c) Quyền sử dụng Kho bãi, nhà xưởng bị hạn chế do lợi ích của người thứ ba.

6.3. Bên đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng thuê Kho bãi, nhà xưởng phải báo cho bên kia biết trước 03 tháng nếu không có thỏa thuận khác.

ĐIỀU 7: CAM KẾT CHUNG

7.1. Bên A cam kết Kho bãi, nhà xưởng cho thuê thuộc quyền sở hữu hợp pháp của mình, không có tranh chấp về quyền sở hữu, không bị kê biên để thi hành án hoặc để chấp hành quyết định hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (không thuộc diện bị thu hồi hoặc không bị giải tỏa); cam kết nhà ở đảm bảo chất lượng, an toàn cho bên B.

7.2 Nếu bên A bị thu hồi hoặc giải tỏa ảnh hưởng đến sản xuất của bên B thì bên A phải chịu tất cả trách nhiệm hoàn trả lại tiền thuê xưởng chưa sử dụng, tiền cọc và thương lượng bồi thường những thiệt hại cho bên B.

7.3. Bên B đã tìm hiểu kỹ các thông tin về Kho bãi, nhà xưởng cho thuê.

7.4. Việc ký kết hợp đồng này giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu cần thay đổi hoặc bổ sung nội dung của hợp đồng này thì các bên thỏa thuận lập thêm phụ lục hợp đồng có chữ ký của hai bên, phụ lục hợp đồng có giá trị pháp lý như hợp đồng này.

7.5. Các bên cùng cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng.

ĐIỀU 8: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản trong hợp đồng. Nếu có gì vướng mắc hai bên phải thông báo cho nhau biết để bàn bạc giải quyết. Trong trường hợp không giải quyết được sẽ đưa ra Trung tâm trọng tài Quốc tế thuộc Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam. Phán quyết của trọng tài là phán quyết cuối cùng buộc hai bên phải thực hiện. Phí trọng tài và các chi phí phát sinh khác bên thua kiện phải chịu.

Hợp đồng này được lập thành 02 bản bằng tiếng Việt, mỗi bên giữ một bản, có giá trị pháp lý như nhau.

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2026 đến 31/12/2028. Sau khi hết hạn hợp đồng, nếu bên B có nhu cầu thuê tiếp thì hai bên có thể bổ sung phụ lục hợp đồng. Mọi sửa đổi sẽ được thống nhất bằng văn bản phụ lục hợp đồng và là một phần không thể tách rời của hợp đồng này. Nếu hai bên không có ý kiến gì và bên B không có nhu cầu thuê khi hết hạn hợp đồng này và mọi nghĩa vụ của hai bên đã thực hiện đầy đủ thì hợp đồng này sẽ tự động thanh lý hoặc khi có hợp đồng mới thay thế thì hợp đồng này cũng tự động thanh lý.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC
NGUYỄN VĂN NHỈ

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC
ĐÀO THỊ KIỀU

Số: 65 /QĐ-UBND

**QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ
ĐỒNG THỜI CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ**

(Cấp lần đầu: ngày 04 tháng 8 năm 2017)

(Điều chỉnh lần thứ nhất: ngày 22 tháng 7 năm 2024)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17/6/2020; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đầu tư ngày 11/01/2022;

Căn cứ các Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Quyết định chủ trương đầu tư số 155/QĐ-UBND ngày 04/8/2017 của UBND tỉnh Hưng Yên cho dự án "Nhà máy sản xuất các sản phẩm inox gia dụng" của Công ty TNHH inox Thái An trên địa bàn xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Thông báo số 183/TB-UBND ngày 31/5/2024 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc điều chỉnh dự án của Công ty TNHH inox Thái An trên địa bàn xã Tân Dân, huyện Khoái Châu;

Xét Báo cáo thẩm định số 1723/BC-SKHĐT ngày 03/7/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án của Công ty TNHH inox Thái An tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số 155/QĐ-UBND ngày 04/8/2017 của UBND tỉnh Hưng Yên cho dự án "Nhà máy sản xuất các sản phẩm inox gia dụng" trên địa bàn xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên với những nội dung điều chỉnh như sau:

1. Nội dung điều chỉnh thứ nhất:

Cập nhật thông tin nhà đầu tư như sau:

"Nhà đầu tư: CÔNG TY TNHH INOX THÁI AN

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0900622518 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 27/10/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 21/6/2021;

- Địa chỉ trụ sở chính: thôn An Dân, xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên;

- Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Văn Nhĩ; sinh ngày 20/8/1979; quốc tịch: Việt Nam; Giấy chứng minh nhân dân số 033079001019 do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 30/12/2015; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện tại: số 91, tổ 2, cụm 1, phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội; chức danh: Giám đốc”

2. Nội dung điều chỉnh thứ hai:

Nội dung Mục tiêu dự án tại khoản 2 Điều 1 được điều chỉnh như sau:

“Điều 1...

3. Mục tiêu dự án: Sản xuất các sản phẩm inox gia dụng; Cho thuê nhà xưởng”

3. Nội dung điều chỉnh thứ ba:

Nội dung Quy mô dự án tại khoản 3 Điều 1 được điều chỉnh như sau:

“Điều 1...

3. Quy mô dự án: Sản xuất các sản phẩm inox gia dụng: 7.500 tấn/năm; cho thuê nhà xưởng: 2.000 m².”

4. Nội dung điều chỉnh thứ tư:

Nội dung Tổng vốn đầu tư thực hiện dự án tại khoản 6 Điều 1 được điều chỉnh như sau:

“Điều 1...

6. Tổng vốn đầu tư thực hiện dự án: 26.500 triệu đồng. Trong đó:

- Vốn góp của nhà đầu tư: 26.000 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 100% tổng vốn đầu tư. Nhà đầu tư báo cáo đã góp đủ vốn bằng tiền mặt để thực hiện dự án.”

5. Nội dung điều chỉnh thứ năm:

Nội dung Tiến độ thực hiện dự án tại khoản 8 Điều 1 được điều chỉnh như sau:

“Điều 1...

8. Tiến độ thực hiện dự án:

- Đối với mục tiêu đã được chấp thuận (sản xuất các sản phẩm inox gia dụng): dự án đã đi vào hoạt động từ năm 2018.

- Đối với mục tiêu bổ sung (cho thuê nhà xưởng): hoàn thiện thủ tục pháp lý, đưa toàn bộ dự án đi vào hoạt động trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày dự án

được cấp Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư điều chỉnh lần thứ nhất."

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc triển khai thực hiện dự án đầu tư:

1. Đối với Công ty TNHH inox Thái An:

- Sau khi dự án điều chỉnh được cấp Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư lần 01, yêu cầu nhà đầu tư thực hiện triển khai thực hiện dự án theo đúng mục tiêu, quy mô, tiến độ và các nội dung đã đăng ký.

- Lập Giấy phép môi trường trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Nghiêm túc chấp hành Chỉ thị số 04/2009/CT-UBND ngày 31/3/2009 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc tăng cường công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh và Chỉ thị số 16/2016/CT-UBND ngày 20/10/2016 về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh; nghiêm túc chấp hành các biện pháp về bảo vệ môi trường, đảm bảo thực hiện dự án đúng và đầy đủ các nội dung đăng ký tại hồ sơ dự án, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến môi trường sống của người dân xung quanh khu vực nhà máy; phải hoàn toàn chịu trách nhiệm chi trả các khoản chi phí khắc phục hậu quả ô nhiễm môi trường cũng như dừng hoạt động của dự án nếu vi phạm. Yêu cầu chủ đầu tư không thực hiện xi mạ có công đoạn làm sạch bề mặt kim loại bằng hóa chất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao tại dự án.

- Lập Hồ sơ thiết kế cơ sở điều chỉnh (nếu có) trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định theo quy định tại Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; Chỉ được phép triển khai xây dựng khi được cơ quan có thẩm quyền cấp phép; Xây dựng các hạng mục công trình theo đúng Mặt bằng quy hoạch tổng thể, Giấy phép xây dựng được cơ quan có thẩm quyền cấp;

- Trong quá trình hoạt động của dự án nhà đầu tư có trách nhiệm thực hiện nghiêm quyền và nghĩa vụ đối với tổ chức sử dụng đất theo quy định tại Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn liên quan đến mục tiêu "cho thuê nhà xưởng", chỉ được phép thực hiện mục tiêu trên khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản tại Khoản 24 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ. Yêu cầu, nhà đầu tư chỉ được cho thuê "cho thuê nhà xưởng" sau khi đã đáp ứng đầy đủ các điều kiện về kinh doanh bất động sản theo quy định của pháp luật về đất đai; hoạt động cho thuê "cho thuê nhà xưởng" phải sử dụng đất đúng mục đích đã được cơ quan nhà nước có thẩm

quyền xác định trong quyết định cho thuê đất; không cho thuê kho, xưởng đối với những loại hình sản xuất, kinh doanh có tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường theo tinh thần Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 31/3/2009 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc tăng cường công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh; Chỉ thị số 16/2016/CT-UBND ngày 20/10/2016 của UBND tỉnh về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh; không làm thay đổi mục đích sử dụng đất đã được cho thuê và không vượt quá 2.000 m².

- Chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đăng ký đầu tư.

- Cơ quan đăng ký đầu tư và cơ quan quản lý Nhà nước không giải quyết tranh chấp giữa các nhà đầu tư và tranh chấp giữa nhà đầu tư với các tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình hoạt động đầu tư kinh doanh;

- Chỉ được triển khai hoạt động đối với các lĩnh vực đầu tư kinh doanh có điều kiện khi đáp ứng các điều kiện và/hoặc được cấp giấy phép/giấy chứng nhận/chứng chỉ hành nghề hoặc văn bản xác nhận theo quy định của pháp luật hiện hành;

- Khuyến khích doanh nghiệp sử dụng nguồn nước sạch của các nhà máy sản xuất, cung cấp nước sạch trên địa bàn để phục vụ sinh hoạt và sản xuất kinh doanh của dự án. Nghiêm cấm việc tự ý khoan giếng khai thác, sử dụng nước và xả thải khi chưa thực hiện thăm dò, đánh giá trữ lượng, phân tích chất lượng nước và được cấp phép theo quy định của pháp luật hiện hành;

- Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Doanh nghiệp, quy định của quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư, các quy định về phòng chống cháy nổ, an toàn lao động và các vấn đề khác liên quan đến việc triển khai thực hiện dự án tại địa điểm đã đăng ký;

- Thực hiện nghiêm chế độ báo cáo hoạt động đầu tư theo quy định tại Điều 72 Luật Đầu tư, Điều 102 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ; Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư; Thông tư số 05/2023/TT-BKHĐT ngày 30/6/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định về mẫu báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư; chế độ báo cáo trực tuyến và quản lý vận hành Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước;

- Thực hiện nghiêm các quy định của Luật Đầu tư, Luật Đất đai, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Xây dựng, Luật Kinh doanh bất động sản và các quy định khác của pháp luật hiện hành;

- Việc thực hiện dự án đầu tư: dự án của nhà đầu tư sẽ bị chấm dứt hoạt động trong các trường hợp theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 48 Luật Đầu tư 2020;

- Việc sử dụng đất đai: đối với khu đất được giao, thuê để thực hiện dự án mà không được sử dụng trong thời hạn 12 tháng liên tục hoặc tiến độ sử dụng đất chậm 24 tháng so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư kể từ khi nhận bàn giao đất trên thực địa phải đưa đất vào sử dụng; trường hợp không đưa đất vào sử dụng thì chủ đầu tư được gia hạn sử dụng 24 tháng và phải nộp cho Nhà nước khoản tiền tương ứng với mức tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với thời gian chậm tiến độ thực hiện dự án trong thời gian này; hết thời hạn được gia hạn mà chủ đầu tư vẫn chưa đưa đất vào sử dụng thì nhà nước thu hồi đất mà không bồi thường về đất và tài sản gắn liền với đất, trừ trường hợp do bất khả kháng.

2. Đối với các cơ quan quản lý nhà nước:

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư: Kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư của nhà đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án theo quy định.

b) Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện các thủ tục về đất đai, môi trường và các thủ tục khác có liên quan đến lĩnh vực quản lý ngành.

- Kiểm tra, giám sát tình hình sử dụng đất, tình hình chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường của nhà đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án theo quy định.

c) Sở Xây dựng:

- Hướng dẫn nhà đầu tư triển khai các thủ tục về xây dựng theo quy định về pháp luật xây dựng.

- Kiểm tra, giám sát hoạt động xây dựng của nhà đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án theo quy định.

d) Ủy ban nhân dân huyện Khoái Châu, UBND xã Tân Dân: Thực hiện trách nhiệm của cơ quan nhà nước, chính quyền địa phương nơi thực hiện dự án. Giám sát chặt chẽ hoạt động đầu tư, xây dựng, tình hình sử dụng đất, việc tuân thủ quy hoạch... của nhà đầu tư theo thẩm quyền; kịp thời báo cáo UBND tỉnh xem xét, xử lý khi phát hiện sai phạm của nhà đầu tư trong quá trình thực hiện dự án.

đ) Các sở, ngành có liên quan: Căn cứ chức năng quản lý ngành, hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện các thủ tục để triển khai thực hiện dự án; giám sát hoạt động đầu tư, kinh doanh của nhà đầu tư theo chức năng, thẩm quyền được giao

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và là một bộ phận không tách rời của Quyết định chủ trương đầu tư số 155/QĐ-UBND ngày 04/8/2017 của UBND tỉnh Hưng Yên. Các nội dung khác tại Quyết định chủ trương đầu tư số 155/QĐ-UBND ngày 04/8/2017 của UBND tỉnh Hưng Yên không thay đổi.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND huyện Khoái Châu; Người đại diện pháp luật Công ty TNHH inox Thái An chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Quyết định này được gửi cho Công ty TNHH inox Thái An và một bản được lưu tại UBND tỉnh Hưng Yên./.

Nơi nhận: *như*

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- UBND xã Phù Hưng;
- Lưu: VT, TH^H.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



Nguyễn Lê Huy

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ CHẤT THẢI

Số: 01/2025/HĐKT/ U11-VNT

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017;
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022;
- Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Căn cứ vào các quy định pháp luật hiện hành có liên quan;
- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày 10 tháng 10 năm 2025, chúng tôi gồm:

Bên A: CÔNG TY TNHH NGUYỄN VẬT LIỆU BAO BÌ ĐÓNG GÓI VĨ NGUYỆT TÂN

Địa chỉ : Thôn An Dân, Xã Triệu Việt Vương, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại : 0382486500

Người đại diện : Bà **Đào Thị Kiều**

Chức vụ: **Giám đốc**

Mã số thuế : 0901068243

Tài khoản : 1021000024778 tại ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Phố Hiến

Bên B: CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VÀ CÔNG NGHIỆP 11 - URENCO11

Địa chỉ: Thôn Đại Từ, Xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên.

Điện thoại: 0221 3 999 072

Fax: 0221 3 981 489

Người đại diện: Ông **Trần Quốc Hường**

Chức vụ: **Phó Giám đốc**

Mã số thuế: 0900291087

Tài khoản số: 19129984688699 mở tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) CN Hưng Yên

(Bên A và Bên B được gọi riêng là “Bên” và gọi chung là “các Bên” hoặc “hai Bên”)

Hai bên thống nhất ký kết và thực hiện Hợp đồng này với những điều khoản cụ thể như sau:



Điều 1. Chủng loại chất thải và đơn giá

- 1.1. Bên A đồng ý chuyển giao và Bên B đồng ý thu gom, vận chuyển, xử lý các loại chất thải phát sinh trong quá trình sản xuất của Bên A theo danh mục được liệt kê trong Phụ lục đính kèm và là một phần không tách rời của Hợp đồng này.
- 1.2. Khối lượng của từng loại chất thải được xác nhận theo nhật ký vận chuyển thực tế theo từng đợt thu gom tại địa điểm thu gom của Bên A. Bên B chịu trách nhiệm bốc xếp, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải.
- 1.3. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng nếu có phát sinh chất thải khác thì hai Bên sẽ lập bổ sung thêm phụ lục Hợp đồng cho từng loại chất thải phát sinh.
- 1.4. Đơn giá của từng loại chất thải được thể hiện trong Phụ lục hợp đồng đính kèm và có thể thay đổi theo giá cả thị trường. Khi có đề xuất thay đổi Bên B phải gửi công văn cho Bên A để hai bên bàn bạc, thống nhất. Mọi sự thay đổi về giá theo thỏa thuận, hai Bên sẽ thống nhất trong các phụ lục Hợp đồng.

Điều 2. Đặc tính, địa điểm, thời gian giao nhận và phương tiện vận chuyển

- 2.1. Đặc tính chất thải: Bao gồm các loại chất thải nguy hại và chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải sinh hoạt chi tiết theo phụ lục đính kèm.
- 2.2. Địa điểm giao nhận chất thải: tại kho chứa chất thải của Bên A (Địa chỉ: Thôn An Dân, Xã Triệu Việt Vương, Tỉnh Hưng Yên).
- 2.3. Thời gian giao nhận: Bên A thông báo thời gian giao nhận chất thải cho Bên B trước ít nhất 01 ngày để bên B có thời gian chuẩn bị phương án thu gom, phương tiện vận chuyển.
- 2.3. Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm về phương tiện vận chuyển chuyên dụng, đủ tiêu chuẩn, hợp vệ sinh, để vận chuyển chất thải theo quy định của Bên A và các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Điều khoản thanh toán và thời hạn thanh toán

3.1 Điều khoản thanh toán

- a. Bên A sẽ thanh toán cho Bên B dựa trên hóa đơn tài chính và biên bản nghiệm thu khối lượng giữa hai Bên mỗi tháng một lần hoặc theo từng đợt phát sinh căn cứ vào thỏa thuận của hai bên.
- b. Bên A ứng trước số tiền 10.000.000 đồng cho Bên B trong vòng 15 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Số tiền này sẽ được khấu trừ vào công nợ của Bên A khi hai bên nghiệm thu quyết toán hợp đồng.
- c. Phương thức thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Bên B.

- 3.2 Thời hạn thanh toán: Bên A sẽ tiến hành thanh toán cho Bên B trong vòng 15 ngày sau khi nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ.

Điều 4. Trách nhiệm và quyền hạn của mỗi Bên

4.1. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên A

- a. Bên A hoàn tất các thủ tục cần thiết khác một cách nhanh chóng, tạo thuận lợi cho Bên B vào thu gom, vận chuyển chất thải ra khỏi nhà máy Bên A.
 - b. Chịu trách nhiệm hoàn toàn đối với các loại chất thải không giao cho Bên B thu gom, vận chuyển và xử lý.
 - c. Chất thải phải được kiểm soát từ nguồn theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Bên A có trách nhiệm phân loại chất thải tại nguồn và lưu chứa theo đúng quy định, đảm bảo thành phần chất thải như đã thông báo với Bên B. Khi có sự thay đổi về thành phần chất thải Bên A phải thông báo cho Bên B để có phương án giải quyết kịp thời và điều chỉnh đơn giá phù hợp.
 - d. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho Bên B theo các điều khoản đã thoả thuận trong hợp đồng.
 - e. Bên A được phép kiểm tra bất cứ quá trình thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải của Bên A mà Bên B tiến hành xử lý.
 - f. Bên A được quyền yêu cầu Bên B bồi thường trong trường hợp Bên B gây ra thiệt hại theo quy định tại Hợp đồng này và pháp luật liên quan.
- 4.2. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên B

- a. Phải tuân thủ những chính sách, quy định nội bộ của Bên A, như chính sách môi trường, các quy định liên quan khác và chỉ dẫn của người phụ trách Bên A trong suốt quá trình làm việc ở nhà máy của Bên A.
- b. Cung cấp cho Bên A toàn bộ hồ sơ năng lực đủ điều kiện hành nghề thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải.
- c. Chịu chi phí chuyên chở và bốc xếp, chọn lựa và vận chuyển đúng chủng loại chất thải và chi phí cân điện tử (nếu có) theo hợp đồng đã được ký.
- d. Có trách nhiệm đảm bảo vệ sinh khu vực làm việc và môi trường của Bên A. Không để chất thải bị rò rỉ, phát tán ra môi trường. Nếu để chất thải rò rỉ, phát tán ra môi trường, Bên B phải chịu trách nhiệm, chi phí xử lý.
- e. Trong thời gian có hiệu lực của Hợp đồng này, Bên B phải luôn đảm bảo có và duy trì các loại giấy phép do cơ quan nhà nước cấp liên quan đến việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải và thực hiện đầy đủ các trách nhiệm của đơn vị cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật hiện hành. Nếu Bên B bị thu hồi giấy phép hoặc bị đình chỉ việc sử dụng giấy phép hoặc tạm dừng việc cấp phép mới hoặc đổi mới phát sinh trong trường hợp theo quy định mới của pháp luật đặt ra thì Bên A có quyền đơn phương dừng hợp đồng mà không cần sự đồng ý của Bên B.

Điều 5. Thực thi hợp đồng

- 5.1 Hợp đồng này có thể sửa đổi theo thỏa thuận bằng văn bản của các Bên. Trong trường hợp phát sinh công việc không nằm trong nội dung của hợp đồng thì hai Bên cùng thỏa thuận bàn bạc thống nhất và lập thành phụ lục bổ sung cho hợp đồng này.
- 5.2 Hợp đồng sẽ không còn hiệu lực trong các trường hợp sau:

- a. Hết hạn hợp đồng.
- b. Khi có bất kỳ thay đổi nào của pháp luật Việt Nam hoặc có quyết định của các cấp có thẩm quyền cho rằng hợp đồng này không có giá trị thực hiện.
- c. Bên A không thực hiện điểm b, khoản 3.1 điều 3 của hợp đồng.
- d. Bên B bán cơ sở kinh doanh cho bên thứ 3, Bên B đổi chủ sở hữu hoặc chuyển quyền hợp đồng cho bên thứ 3 mà chưa được sự cho phép của Bên A bằng văn bản.

5.3 Ngoài các trường hợp chấm dứt hợp đồng trong khoản 5.2 điều này; trong thời gian thực hiện hợp đồng, nếu Bên nào muốn chấm dứt hợp đồng trước thời hạn thì phải báo trước một (01) tháng bằng văn bản cho Bên kia.

Điều 6. Giải quyết tranh chấp

- 6.1 Hợp đồng này được điều chỉnh bởi các quy định liên quan của pháp luật nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- 6.2 Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh về các điều khoản của hợp đồng, đầu tiên sẽ được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải trên tinh thần hữu nghị, tôn trọng lẫn nhau trong vòng 30 ngày. Tranh chấp không giải quyết được giữa các Bên sẽ được đưa ra phân xử tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền tại tỉnh Hưng Yên, Việt Nam. Ngôn ngữ sử dụng là tiếng Việt. Chi phí tố tụng của các Bên, bao gồm cả chi phí hợp lý thuê luật sư, sẽ do Bên thua kiện chi trả.

Điều 7. Những điều khoản khác

- 7.1 Hợp đồng này có hiệu lực 01 năm kể từ ngày ký.
- 7.2 Trong trường hợp một hoặc nhiều Điều, khoản, điểm trong hợp đồng này bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền tuyên là vô hiệu, không có giá trị pháp lý hoặc không thể thi hành theo quy định hiện hành của pháp luật thì các Điều, khoản, điểm khác của hợp đồng này vẫn có hiệu lực thi hành đối với hai Bên.
- 7.3 Mọi bổ sung, sửa đổi vào nội dung của Hợp đồng này chỉ có hiệu lực với sự xác nhận bằng văn bản của cả hai Bên.

Hợp đồng giữa URENCO 11 và Công ty TNHH vật liệu bao bì đóng gói Vĩ Nguyệt Tân được lập thành 04 bản tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau (mỗi Bên giữ 02 bản).



GIÁM ĐỐC
ĐÀO THỊ KIỀU



PHÓ GIÁM ĐỐC
Trần Quốc Hương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC SỐ 01

Phụ lục hợp đồng này là một phần không thể tách rời của HỢP ĐỒNG THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ CHẤT THẢI SỐ: 01/2025/HĐKT/ U11-VNT ký ngày 10 tháng 10 năm 2025. Các điều kiện của Hợp đồng vẫn giữ nguyên và không thay đổi.

Hôm nay, ngày 10 tháng 10 năm 2025, chúng tôi gồm:

Bên A: CÔNG TY TNHH NGUYÊN VẬT LIỆU BAO BÌ ĐÓNG GÓI VĨ NGUYỆT TÂN

Địa chỉ : Thôn An Dân, Xã Triệu Việt Vương, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại : 0382486500

Người đại diện : Bà **Đào Thị Kiều**

Chức vụ: **Giám đốc**

Mã số thuế : 0901068243

Tài khoản : 1021000024778 tại ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Phố Hiến.

và

Bên B: CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VÀ CÔNG NGHIỆP 11 - URENCO11

Địa chỉ: Thôn Đại Từ, Xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên.

Điện thoại: 0221 3 999 072

Fax: 0221 3 981 489

Người đại diện: Ông **Trần Quốc Hường**

Chức vụ: **Phó Giám đốc**

Mã số thuế: 0900291087

Tài khoản số: 19129984688699 mở tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) CN Hưng Yên

Hai bên thống nhất ký kết một phụ lục hợp đồng số 01 theo các điều khoản sau:

Danh mục chất thải và đơn giá thu gom, vận chuyển, xử lý: (Đơn giá chưa bao gồm VAT)

STT	Danh mục	Mã CTNH	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)
1	Chất thải rắn sinh hoạt		Kg	2.000
2	Chất thải rắn công nghiệp thông thường		Kg	2.500
3	Bao bì mềm thải có chứa thành phần nguy hại	18 01 01	Kg	4.500
4	Bao bì nhựa thải có chứa thành phần	18 01 03	Kg	3.000

Người lập: **Phạm Thị Ly**
Hợp đồng URENCO11-Vĩ Nguyệt Tân

Trang 5

Người kiểm tra: **Nguyễn Xuân Chính**

STT	Danh mục	Mã CTNH	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)
	nguy hại			
5	Bao bì kim loại thải có chứa thành phần nguy hại	18 01 02	Kg	3.000
6	Giẻ lau, găng tay dính thành phần nguy hại; màng lọc than hoạt tính thải	18 02 01	Kg	4.500
7	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Kg	4.000
8	Mực in thải có thành phần nguy hại	08 02 01	Kg	4.500
9	Hộp mực thải	08 02 04	Kg	4.500
10	Dung môi thải	03 02 03	Kg	3.500
11	Dầu động cơ, hộp số bôi trơn thải	17 02 03	Kg	4.000

- Đơn giá trọn gói của dịch vụ thu gom, vận chuyển xử lý chất thải là 10.000.000 VNĐ (chưa bao gồm VAT). Bên B có trách nhiệm thu gom, vận chuyển và xử lý cho Bên A 01 lần/năm. Nếu khối lượng thu gom, vận chuyển và xử lý 01 lần nhân với đơn giá mà lớn hơn 10.000.000 VNĐ thì tính theo giá ở bảng trên.

- Nếu Bên A không bàn giao chất thải thì vẫn phải trả Bên B số tiền 10.000.000 VNĐ (chưa bao gồm VAT). Số tiền này được tính là phí duy trì hợp đồng.

- Phụ lục này có hiệu lực từ ngày ký và được lập thành 04 bản tiếng Việt có giá trị như nhau về mặt pháp lý. Mỗi bên giữ 02 bản.



Đại diện Bên A
GIÁM ĐỐC
ĐÀO THỊ KIỀU



Đại diện Bên B
PHÓ GIÁM ĐỐC
Trần Quốc Hương

物 质 安 全 资 料 表

Bản Dữ liệu An toàn Vật liệu

一、 物品与厂商资料 Sản phẩm Hóa chất và Thông tin Công ty

物品名称: 水性黑色油墨 Tên Sản phẩm: MỰC IN DẠNG NƯỚC Black Ink
物品编号: Mực in dạng nước HD0378 –D0544— Số thứ tự sản phẩm: Mực in dạng nước HD0378-D0544
制造商或供应商名称、地址及电话 Tên, địa chỉ và số điện thoại của Nhà sản xuất hoặc Nhà cung cấp
. 制造商: 建新贸易生产有限公司(海洋厂) . Nhà sản xuất: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT MỰC IN KIẾN TÂN-CHI NHÁNH HẢI DƯƠNG Địa chỉ: Cụm công nghiệp phía tây đường Ngô Quyền, Phường Cẩm Thượng, TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.
紧急联络电话 Emergency Telephone call Số điện thoại khẩn cấp: 0898415998
传真电话 Fax number Số fax:

二、 主要主域及性状 Thành phần và Thông tin về các Thành phần

物料名称 Black Ink Tên hóa chất	水性黑色油墨 Mực nước nhẹ		
成份、含量及 CAS Thành phần & Số đăng ký 水性丙烯酸树脂 CAS	成 份	含量	CAS No.
	水性丙烯酸树脂 Nhựa acrylic	50%	9003-01-4
	助剂 Additive Chất phụ gia	3%	9002-88-4
	颜料黑 Liệu màu Đen	30%	1333-86-4
	水 water nước	17%	7732-18-5
外观与性状 Ngoại hình và đặc điểm	有色液体, 轻微气味 Chất lỏng có màu với mùi nhẹ		

三、 危害信息 Thông tin về độ nguy hiểm

侵入途径 Quá trình	吸入, 食入, 经皮吸收 Hít ,nuốt , hấp thụ qua da
-------------------	--

吸入 Hít vào	微量残留气体通风不良的地方，可能刺激眼镜，鼻粘膜，呼吸道等产生头痛盒恶心等症状 Trường hợp khí dư được thông khí kém, nó có thể làm ảnh hưởng đến mắt, các triệu chứng như đau đầu, buồn nôn, niêm mạc mũi, đường hô hấp, v.v.
皮肤接触 Tiếp xúc với da	长时间接触，会引起局部红斑 Tiếp xúc thời gian lâu dài , có thể gây bị ban đỏ
眼鏡接觸 Tiếp Xúc với mắt	直接接觸，可使眼鏡收到刺激 Tiếp xúc trực tiếp , có thể khiến mắt bị thâm
重複過量接觸會引起的慢性效應 Sử dụng quá liều lặp đi lặp lại có thể gây ra Tác dụng mãn tính	根據現時資料，未有顯示存在有害的影響 Theo thông tin hiện tại, không có dấu hiệu cho thấy tác hại
過量接觸可引起的其他效應 Sử dụng quá liều có thể gây ra một số hiệu ứng khác	現有資料顯示，過量接觸並沒有引起其他有害效應 Theo thông tin hiện tại hiện thị ,sử dụng quá liều không có gây ra một số hiệu ứng khác

四、 急救措施 Các biện pháp sơ cấp cứu

皮 肤 接 触：脫去受污染的衣服，用肥皂和水清潔皮肤，衣物洗淨后才可穿用 Tiếp xúc với da: cởi bỏ quần áo bị ô nhiễm ,sử dụng xà phòng và nước rửa sạch da , quần áo khô mới được mặc lại
眼 睛 接 触：提起眼瞼，用流動清水或生理鹽水沖洗。就醫 Tiếp xúc với mắt: Nâng mí mắt lên dùng nước sạch hoặc nước muối sinh lí để rửa . Gặp bác sỹ ngay lập tức.
吞食：但最好設法嘔吐去異物並趕緊快送專業的醫生治療 Nuốt phải : đương nhiên cách tốt nhất là nôn ra dị vật và nhanh chóng đưa đến chuyên khoa để bác sỹ cứu chữa
吸入：無特別緊急護理 Hít vào: Không cần chăm sóc khẩn cấp đặc biệt

第五部分：燃爆性與消防

燃燒性 Tính dễ cháy	不易燃燒 Không dễ cháy
滅火措施 Biện pháp cứu hỏa	水，泡沫或乾粉滅火劑 Nước , bột , hoặc bình chữa cháy bột khô
滅火方法： Phương pháp chữa cháy 若不行則盡可能使離火場並允許火燒完 Nếu không được hãy cứ để lửa cháy càng nhiều càng tốt và để lửa cháy hết	1. 一般情況下使用常用滅火方法 Trong trường hợp bình thường sử dụng biện pháp chữa cháy phổ biến 2. 噴水霧可冷卻此物質之溫度，使其於閃火點 Xịt nước có thể làm mát nhiệt độ của vật liệu này để làm cho nó nhấp nháy 3. 安全狀況下將容器搬離火場 Trong điều kiện an toàn di chuyển những vật liệu dễ cháy ra khỏi đám cháy 4. 儲槽區之大型火災，使用無人操作之水霧控制架或自動搖擺消防水瞄 Hỏa hoạn lớn trong khu vực bể chứa , sử dụng giá đỡ điều khiển sương mù không người thao tác hoặc sử dụng vòi nước chữa cháy tự động 5. 遠離儲槽兩端 Tránh xa các đầu của bể chứa 6. 貯槽安全閥已嚮起或因著火而變色時立即撤離。盡可能將容易從火場移至空曠處，噴水保持火場容器冷卻直至滅火結束，處在火場中的容器若以變色或從安全池壓裝位中產生聲音，需馬上撤離 Van an toàn bể phốt đã được sơ tán ngay khi nó thay đổi hoặc đổi màu do hỏa hoạn. Càng xa càng tốt, sẽ dễ dàng di chuyển từ đám cháy sang không gian mở. Vòi phun nước sẽ giữ cho bình chữa cháy được mát cho đến khi đám cháy kết thúc. Nếu bình chứa trong đám cháy bị đổi màu hoặc phát ra âm thanh từ bể an toàn, nó cần được sơ tán ngay lập tức.

特殊燃燒和爆炸危害 Nguy cơ cháy nổ đặc biệt	在溫度超過水的沸點時，物料不會燃燒，但會飛濺，但水分蒸發後，固體物會燃燒產生二氧化碳 Khi nhiệt độ vượt quá độ sôi của nước , vật liệu sẽ không bị cháy , nhưng sẽ bị văng ra , nhưng sau khi nước văng ra , chất rắn sẽ cháy để tạo ra carbon dioxide.
消防人員之特殊防護設備： Bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa:	消防人員必須戴 A 級氣密式化學防護衣及空氣呼吸器（必要時外加抗閃火鋁質被覆外套） Nhân viên cứu hỏa phải mặc quần áo bảo hộ hóa chất kín A và thiết bị thở không khí (cộng với áo khoác được phủ nhôm chống flash nếu cần thiết

六。洩漏緊急處理 Phương pháp xử lý khi xảy ra vương vãi hóa chất

禁止無關人員進入溢漏場所，大量的物質溢漏後應收集充置，小量物質溢漏時，用抹布擦或將其沖入下水道（如果當地法規允許） Nghiêm cấm nhân viên không có liên quan vào bị vương vãi hóa chất , sau khi một lượng lớn vật thể bị vương vãi cần thu gom chất rắn lại , khi lượng nhỏ hóa chất vương vãi ,có thể dùng vải lau chùi hoặc đổ xuống cống (nếu qui định của địa phương đó cho phép)
--

七。操作與貯存 Thao tác và lưu trữ

操作注意事項： Thao tác cần chú ý 貯存注意方向： Phương hướng lưu trữ cần chú ý	避免粘及眼睛，皮膚或衣服，切勿吞食，在有足夠通風情況下使用 Tránh dính vào mắt , da hoặc quần áo , không nuốt , sử dụng trong hình hướng đầy đủ hệ thống thông gió 在使用時保持容器密封，放在通風良好的環境（5-30°C）避免陽光直射 Giữ kín hộp khi sử dụng ,trong môi trường thông gió tốt (5-30 ° C) để tránh ánh nắng trực tiếp
--	---

八：暴露控制與預防措施 Phương pháp hạn chế phơi nhiễm

暴露限值 Giới hạn phơi nhiễm	未有限定 Không giới hạn
個人防護措施 Biện pháp bảo vệ cá nhân	一般不需要特殊防護 必要時可戴手套與眼罩保護手和眼睛 Nói chung không cần thiết bảo vệ đặc biệt , nếu cần thiết có thể đeo bao tay và mắt kính bảo vệ tay và mắt

九： 理化特性

狀態 Trạng thái	液體 Chất lỏng	外觀 Bề mặt	混合色 Màu hỗn hợp
氣味 Mùi	輕微氣味 Mùi nhẹ	分子量 Trọng lượng phân tử	混合物 Hỗn hợp
固含量： Lượng cố định	35%-40%	粘度： Độ dính	2500-3500mpa.s25°C
pH 值： Giá Trị pH	8.5-9.5	水中溶解度： Độ hòa tan trong nước	可與用水稀釋 có thể dung nước pha loãng
熔點： Điểm nóng chảy	不適用 Không áp dụng	揮發物百分比（水） Phần trăm chất bay hơi (nước)	50-60%
沸點： Độ sôi	760mmg~100°C	蒸氣壓 Áp suất hơi	@20°C 與水相同 @ 20 ° C giống như nước
相對密度（水=1） Mật độ tương đối (nước = 1)	1.06	蒸汽密度（空氣=1） Mật độ hơi (không khí =1)	少於 1 Ít hơn 1
主要用途 Công dụng	適用於煙，酒，食品，飲料，藥品，兒童玩具等衛生條件要求嚴格的包裝印刷廠		

chính	Áp dụng cho thuốc lá, rượu, thực phẩm, đồ uống, thuốc men, đồ chơi trẻ em, v.v.điều kiện vệ sinh yêu cầu nghiêm khắc trong xưởng in đóng gói
-------	---

第十部分： 穩定性與反應活性 Ổn định và phản ứng

穩定性	穩定	需避免情況	光照
Tính ổn định	ổn định	Tình huống cần tránh	Chiếu sáng

緊忌物 Điều cấm kỵ	有機溶劑，強氧化劑，強還原劑，強酸 Dung môi hữu cơ, chất oxy hóa mạnh, chất khử mạnh, axit mạnh
聚合危害 Tập hợp nguy cơ	不聚合 Không tập hợp
分解產物 Sản phẩm phân hủy	一氧化碳和二氧化碳 Carbon monoxide và carbon dioxide

第十一部分： 毒理學信息

Bộ phận số 11 : thông tin độc tính

急性毒性 Độc tính cấp tính 	毒理學研究顯示，相類似的物質的急性毒性十分底 Các nghiên cứu về độc tính đã chỉ ra rằng độc tính cấp tính của các chất tương tự là rất thấp
---	--

亞急性或慢性毒性: Bán cấp hoặc nhiễm độc mãn tính:	毒理學研究顯示，相類似的物質的急性毒性十分底 Các nghiên cứu về độc tính đã chỉ ra rằng độc tính cấp tính của các chất tương tự là rất thấp
其他毒性 Độc tính khác	相類似的物質毒性十分底 các chất tương tự độc tính là rất thấp

第十二部分：環境資料

Thông tin môi trường

聚合物不可被生物降解，不會對廢水處理的細菌造成抑制作用，經廢水處理后的水不會對魚和水中生物引致危害

Polyme không thể bị phân hủy sinh học và sẽ không ức chế vi khuẩn được xử lý bằng nước thải. Nước được xử lý bằng nước thải sẽ không gây hại cho cá và các sinh vật dưới nước.

第十三部分：廢充處置

Xử lý chất thải

廢充處置方法 Phương pháp xử lý và chất thải	在循環利用，使用廢水處理系統或焚燒或在政府法規允許下填埋 Tái chế, sử dụng hệ thống xử lý nước thải hoặc âm ủ hoặc chôn lấp theo quy định của chính phủ
--	---

第十四部分：運輸信息

Thông tin vận chuyển

陸上和鐵路，海上危險的運輸規則：不收管制，非危險品

Đường bộ và đường sắt, quy tắc giao thông nguy hiểm trên biển: Không kiểm soát, hàng hóa không nguy hiểm

國際航空運輸協會：不收管制，非危險品

Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế : không kiểm soát , hàng hóa không nguy hiểm

第十五部分：條例法規

Qui định

危險化學品安全管理條例（國際院令 344 號）

Quy định quản lý an toàn hóa chất độc hại (học viện Quốc Tế số 344)

危險貨物品名表（GB12268-2005）

Danh sách tên hàng hóa nguy hiểm (GB12268-2005)

危險貨物分類和品名名稱（GB6944-2005）

Phân loại hàng hóa nguy hiểm và tên hàng hóa (GB6944-2005)

危險化學品安全技術說明書編寫規定（GB16483-2000）

Qui định về sách thuyết minh kỹ thuật an toàn hóa chất nguy hiểm
(GB16483-2000)

常用危險化學品的分類及標志（GB13690-92）

Phân loại và đánh dấu các hóa chất nguy hiểm thường được sử dụng
(GB13690-92)

第十六部分：其他信息

Một số thông tin khác

CAS 號：CAS 是 Chemical Abstract Service 的縮寫。CAS 號是美國化學文摘

對化學物質登錄的檢索服務號。該號是檢索化學物質有關信息資料最常用的編號。

Số CAS : CAS Là chữ viết tắt của Chemical Abstract Service. Số CAS là số dịch vụ tìm kiếm để đăng ký chất hóa học của Tóm tắt hóa học Mỹ. Số này là số được sử dụng phổ biến nhất để lấy thông tin về các chất hóa học.

制定日期: 2025-01-01

Ngày thành lập : 01-01-2025

有效期: 02 年

Hiệu lực: 02 năm

MẶT BẰNG TỔNG THỂ THOÁT NƯỚC SINH HOẠT

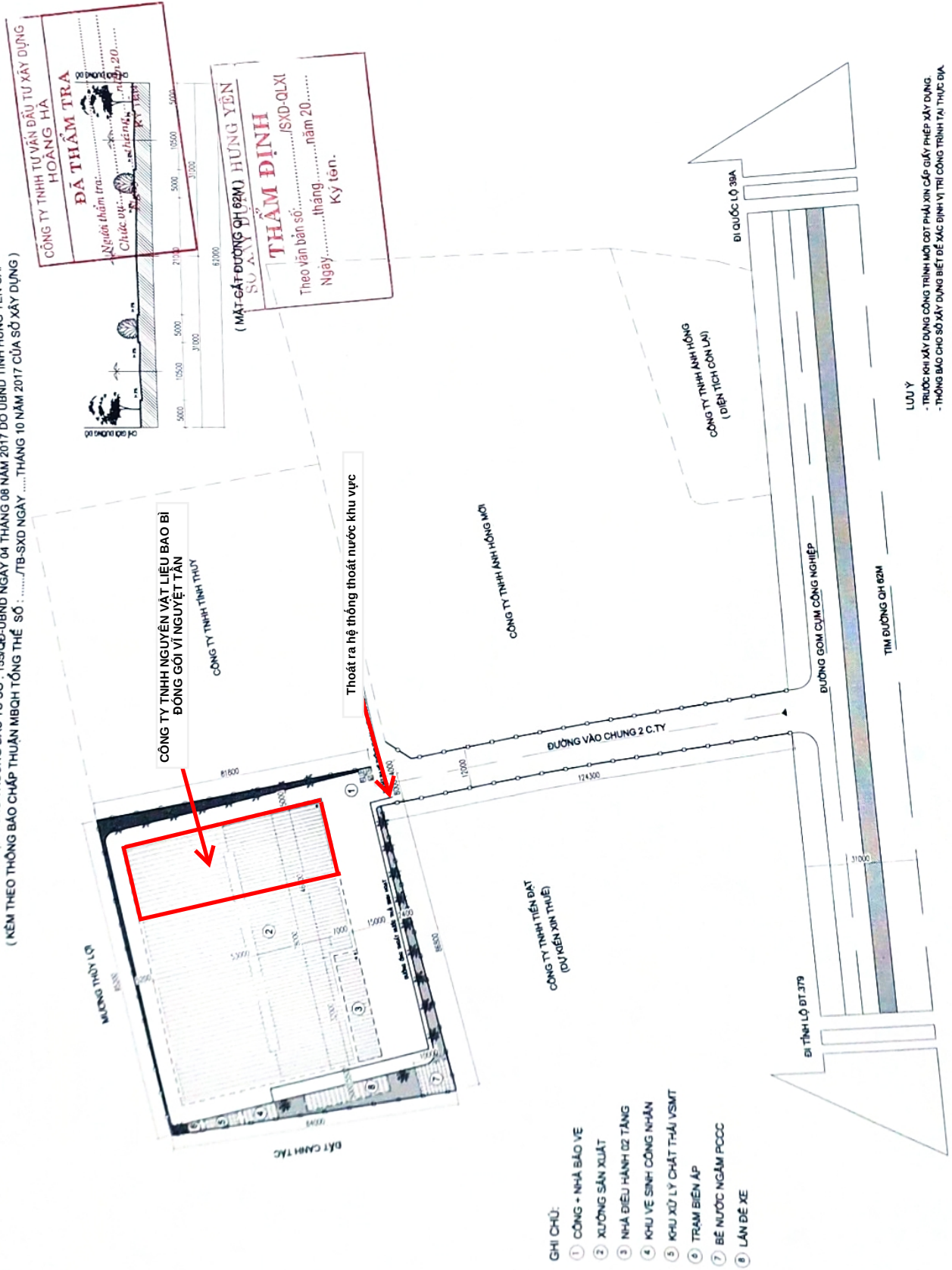
NHÀ MÁY SẢN XUẤT CÁC SẢN PHẨM INOX GIA DỤNG

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH INOX THÁI AN

ĐỊA ĐIỂM: XÃ TÂN DÂN - HUYỆN KHOÀI CHÂU - TỈNH HUNG YÊN

THẺ QUẢN LÝ CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ SỐ: 155/QĐ-UBND NGÀY 04 THÁNG 08 NĂM 2017 DO UBND TỈNH HƯNG YÊN
(KÈM THEO THÔNG BÁO CHẤP THUẬN MÃQH TỔNG THỂ SỐ 17B/SVĐ/QT THÁNG 04 NĂM 2017 CỦA SỞ XÂY DỰNG

(KÈM THEO THÔNG BÁO CHẤP THUẬN MẠO HỮU TỔNG THỂ SỐ: /TB-SVĐ NGÀY THÁNG 10 NĂM 2017 CỦA SỞ XÂY DỰNG)



CH

- 1 CÔNG - NHÀ BẢO VỆ
- 2 XƯƠNG SÁN XUẤT
- 3 NHÀ ĐIỀU HÀNH 02 TẦNG
- 4 KHU VỰC SINH CÔNG NHÂN
- 5 KHU XỬ LÝ CHẤT THẢI VSMT
- 6 TRẠM BIẾN ÁP
- 7 BỂ NƯỚC NGÂM PCCC
- 8 LÀN ĐẾ XE

645 10 01 1994

1. SƠ LƯỢC CÔNG NGHIỆP

.....SUNG QH 62M

1115

- TRƯỚC KHI XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH MỚI COT PHẢI XIN CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG.
- THÔNG BÁO CHO SỞ XÂY DỰNG BIẾT ĐỂ XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ CÔNG TRÌNH TẠI THỰC ĐỊA

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH INOX

THÁI LAN



www.pearsoned.com.au

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ
XÂY DỰNG THANH HÙNG



IP Address: 192.168.1.1

TÊN ĐƠN AN:

INOX GIA DUNG

MAGGIO VIG

XÃ TÂN DẪN - HUYỆN KHOÁI CHÂU -
TỈNH HUNG YÊN

CHAI

Y

HANG MU

XUẤT SẮC XUẤT SỐ 03
NHÀ ĐIỀU HÀNH SỐ 02

TÊN BẢNG VÀ

MẶT BẰNG TỔNG THỂ THOÁT NƯỚC SINH HOẠT

GIẢI ĐỐC :

KT.S. HÀ THỊ NGỌC ANH

CHÚ THƠ :

we do not mean to say

VE:

KTS. TẠ QUANG ĐẠT

KIỂM TRA:

Journal of Management Education

The

111

ANON

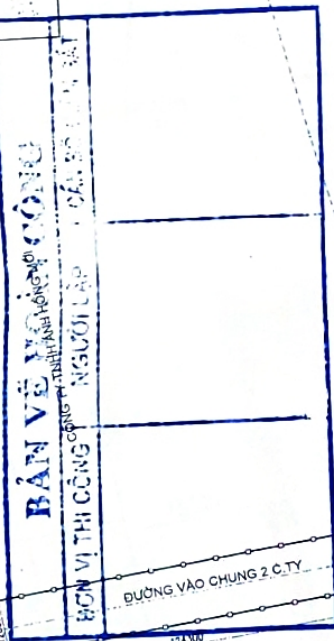
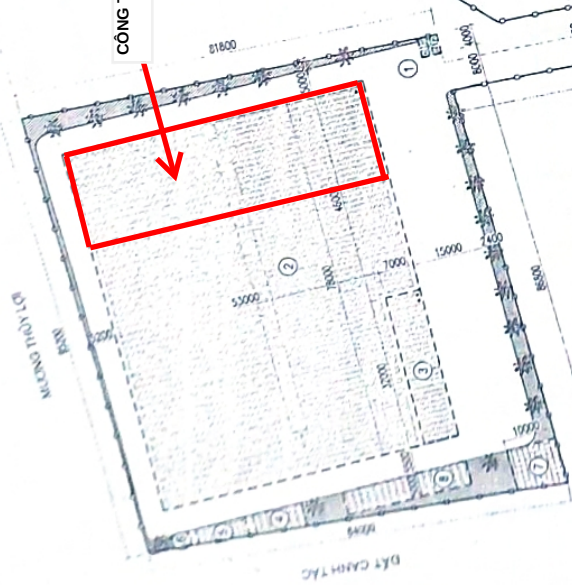
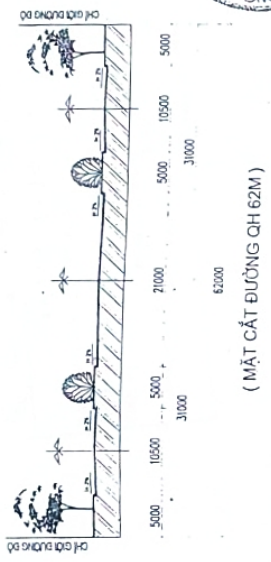
2102-11

VE | MBTTTNSH-01

VE | MBTTTNSH-01

MẶT BẰNG QUY HOẠCH TỔNG THỂ

NHÀ MÁY SẢN XUẤT CÁC SẢN PHẨM INOX GIA DỤNG
CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH INOX THÁI AN
ĐỊA ĐIỂM: XÃ TÂN DÂN- HUYỆN KHOÀI CHÂU - TỈNH HUNG YÊN
THEO QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ SỐ: 155/QĐ-UBND NGÀY 04 THÁNG 08 NĂM 2017 DO UBND TỈNH HUNG YÊN CẤP
(KÈM THEO THÔNG BÁO CHẤP THUẬN MBOH TỔNG THỂ SỐ 238/ TB-SXD NGÀY 30 THÁNG 10 NĂM 2017 CỦA SỞ XÂY DỰNG)



CÔNG TY TNHH TIẾN ĐẠT
(DỰ KIẾN XÂY THUY)

- GHI CHÚ:
- 1. CÔNG + NHÀ BẢO VỆ
 - 2. XƯỞNG SẢN XUẤT
 - 3. NHÀ ĐIỀU HÀNH 02 TẦNG
 - 4. KHU VỰC SINH CÔNG NHÂN
 - 5. KHU XỬ LÝ CHẤT THẢI VSMT
 - 6. TRẠM BIẾN ÁP
 - 7. BỂ NƯỚC NGÂM POCC
 - 8. LÀN BÈ XE

CÔNG TY TNHH ANH HỒNG
(DIỆN TÍCH CỎ LẠI)

ĐIỂM LỘ ĐT 379

ĐƯỜNG GOM CUNG CÔNG NGUYỄN VĂN THUY

TỈM ĐƯỜNG QH 62M

ĐIỂM LỘ ĐT 39A

SỞ XÂY DỰNG



GIÁM ĐỐC
LƯƠNG ANH TUẤN

CHỦ ĐẦU TƯ



GIÁM ĐỐC
NGUYỄN VĂN NHỊ

ĐƠN VỊ TƯ VẤN



GIÁM ĐỐC
HÀ THỊ NGỌC ANH

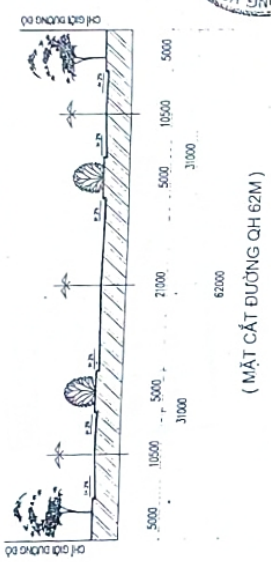
TITLE	HỌ TÊN NHÂN VIÊN	NGÀY BAN HÀNH	CH-01
1/1000	10/2017		

23/10/2017
Saud

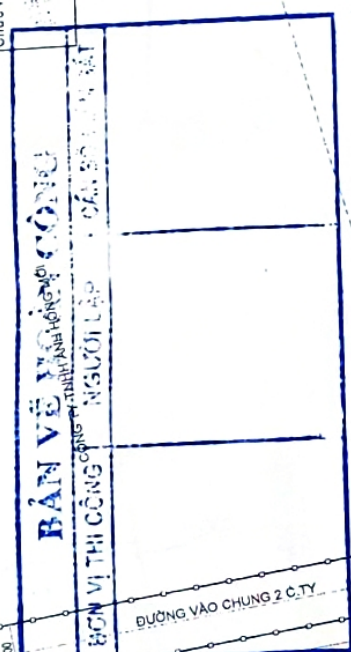
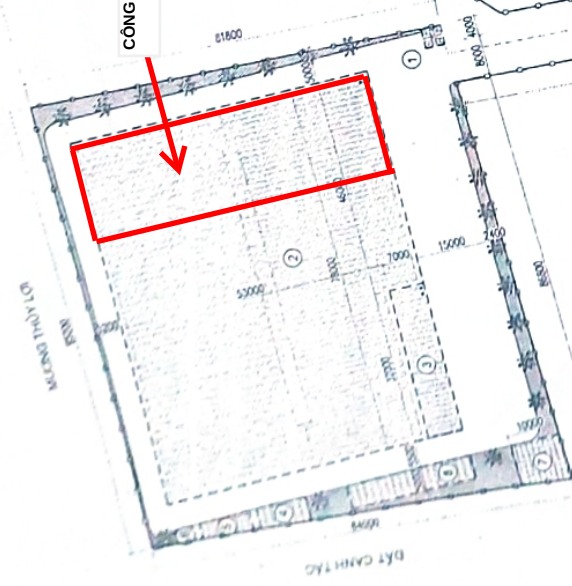
LƯU Ý

- TRƯỚC KHI XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH MỚI CĐT PHẢI XIN CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
- THÔNG BÁO CHO SỞ XÂY DỰNG BIẾT ĐỂ XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ CÔNG TRÌNH TẠI THỰC ĐỊA

MẶT BẰNG QUY HOẠCH TỔNG THỂ
NHÀ MÁY SẢN XUẤT CÁC SẢN PHẨM INOX GIA DỤNG
CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY TNHH INOX THÁI AN
ĐỊA ĐIỂM: XÃ TÂN DÂN - HUYỆN KHOÀI CHÁU - TỈNH HUNG YÊN
THEO QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ SỐ: 155/QĐ-UBND NGÀY 04 THÁNG 08 NĂM 2017 DO UBND TỈNH HUNG YÊN CẤP
(KÈM THEO THÔNG BÁO CHẤP THUẬN MBOH TỔNG THỂ SỐ 238 /TB-SXD NGÀY 10 THÁNG 10 NĂM 2017 CỦA SỞ XÂY DỰNG)



CÔNG TY TNHH NGUYÊN VẬT LIỆU BAO BÌ
ĐỒNG GÓI VĨ NGUYỄN TÂN
CÔNG TY TNHH TÍNH THỦY



- GHI CHÚ:
- 1 CÔNG + NHÀ BẢO VỆ
 - 2 XƯỞNG SẢN XUẤT
 - 3 NHÀ ĐIỀU HÀNH 02 TẦNG
 - 4 KHU VỆ SINH CÔNG NHÂN
 - 5 KHU XỬ LÝ CHẤT THẢI VSMT
 - 6 TRẠM BIẾN ÁP
 - 7 BỂ NƯỚC NGẦM PCCC
 - 8 LÀN ĐÈ XE

CÔNG TY TNHH ANH HỒNG
(DIỆN TÍCH CÁN LẠI)

ĐI QUỐC LỘ 39A

ĐI TỈNH LỘ ĐT 379

ĐƯỜNG GOM CỤT CÔNG NHẬP

TỈM ĐƯỜNG QH 62M



SỞ XÂY DỰNG



GIÁM ĐỐC
LƯƠNG ANH TUẤN

CHỦ ĐẦU TƯ



GIÁM ĐỐC
NGUYỄN VĂN NHỊ

ĐƠN VỊ TƯ VẤN



GIÁM ĐỐC
HÀ THỊ NGỌC ANH

TITLE	NGÀY HOÀN THÀNH	KÝ HIỆU BÀN VẼ	QH-01
1/10/2017	10/2017		

LƯU Ý

- TRƯỚC KHI XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH MỚI CĐT PHẢI XIN CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
- THÔNG BÁO CHO SỞ XÂY DỰNG BIẾT ĐỂ XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ CÔNG TRÌNH TẠI THỰC ĐỊA

23/10/2017
Paul

